

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: **Giáo dục Mầm non**  
Trình độ đào tạo: **Đại học**  
Ngành đào tạo: **Giáo dục Mầm non**  
Mã ngành đào tạo: **52.14.02.01**

*(Ban hành theo Quyết định số 2891/QĐ-ĐHHD ngày 25/11/2016  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

### 1. Mục tiêu giáo dục

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non (GDMN) trình độ đại học nhằm đào tạo giáo viên mầm non (GVMN) đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN, yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo trong xu thế hội nhập và phát triển. GVMN được đào tạo có đầy đủ những phẩm chất đạo đức và năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non; có sức khỏe, yêu nghề, mến trẻ. Có khả năng học tập để nâng cao trình độ.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ pháp luật, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, người học sau khi tốt nghiệp sẽ có:

##### 1.2.1. Kiến thức

- + Lý thuyết chuyên sâu về Giáo dục mầm non để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non;
- + Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, ngôn ngữ, văn học, tiếng việt, mỹ thuật, âm nhạc, hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non và có thể vận dụng vào triển khai dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục, vui chơi cho trẻ mầm non;
- + Chăm sóc sức khỏe cho trẻ mầm non (bao gồm kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường lứa tuổi mầm non; dinh dưỡng và an toàn thực phẩm; phòng bệnh, đảm bảo an toàn và xử lý ban đầu các bệnh và tai nạn cho trẻ mầm non);
- + Kiến thức chuyên sâu và các kỹ thuật để thực hiện nhiệm vụ giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non; Quản lý ở các cơ sở giáo dục mầm non; Giảng dạy tại các khoa đào tạo giáo viên mầm non trong các trường sư phạm; Tham gia các dự án của các tổ chức trong và ngoài nước trong lĩnh vực giáo dục mầm non; Làm việc tại các Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hoà nhập và các cơ sở giáo dục trẻ mầm non có nhu cầu đặc biệt khác;
- + Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; đánh giá việc thực hiện kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non;

+ Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non theo từng độ tuổi để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

+ Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội liên quan đến lĩnh vực giáo dục mầm non để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

### *1.2.1. Kỹ năng*

+ Vận dụng kiến thức chuyên môn để phát hiện và giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non;

+ Quản lý ở các cơ sở giáo dục mầm non; Giảng dạy tại các khoa đào tạo giáo viên mầm non trong các trường sư phạm; Tham gia các dự án của các tổ chức trong và ngoài nước trong lĩnh vực giáo dục mầm non; Làm việc tại các Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hoà nhập và các cơ sở giáo dục trẻ mầm non có nhu cầu đặc biệt khác;

+ Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về lĩnh vực giáo dục mầm non để tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non tại cơ quan, đơn vị công tác hoặc chuyên sâu nghiên cứu giáo dục mầm non tại các viện khoa học và các cơ sở giáo dục;

+ Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ và các kỹ năng chuyên biệt đáp ứng được yêu cầu đặc thù của ngành học;

+ Kỹ năng phối hợp với các lực lượng giáo dục khác để nâng cao hiệu quả chăm sóc giáo dục trẻ em;

+ Tổ chức thành thạo các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ; ứng dụng được công nghệ thông tin vào công tác chăm sóc và giáo dục trẻ;

+ Kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tự học, tự nghiên cứu; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập;

+ Quản lý lớp học có hiệu quả theo nhóm, lớp; quản lý hồ sơ, sổ sách; sắp xếp bảo quản đồ dùng đồ chơi;

+ Giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng trên tinh thần tôn trọng, hợp tác, chia sẻ.

### *1.2.3. Về thái độ*

Sinh viên tin tưởng vào năng lực chuyên môn của bản thân, có thái độ tốt với trẻ và nghề GVMN. Có ý thức vận động sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng GDMN.

+ Yêu nước, trung thành với Tổ quốc, là công dân tốt trong cộng đồng; nghiêm chỉnh chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; biết vận dụng sáng tạo đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước vào việc chăm sóc và giáo dục trẻ em.

+ Yêu nghề, say mê, tận tụy với công việc; yêu trẻ, tôn trọng và có tinh thần trách nhiệm cao với trẻ.

+ Có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, nêu gương tốt cho trẻ; có văn hóa giao tiếp; đoàn kết, khiêm tốn học hỏi, sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp trong chuyên môn; quan hệ tốt với cha mẹ trẻ và cộng đồng, có ý thức vận động cộng đồng và cha mẹ trẻ tham gia xây dựng nhà trường, giáo dục trẻ, thực hiện xã hội hóa giáo dục.

+ Có ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thích ứng nhanh những điều biến đổi của xã hội và của ngành GDMN.

### *1.2.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*

+ Năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về Giáo dục mầm non; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;

+ Khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường, hoàn cảnh làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non; các khoa đào tạo giáo viên mầm non trong các trường sư phạm; Các dự án của các tổ chức trong và ngoài nước trong lĩnh vực giáo dục mầm non; Các Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hoà nhập và các cơ sở giáo dục trẻ mầm non có nhu cầu đặc biệt khác;

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về lĩnh vực Giáo dục mầm non.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp.

+ Có năng lực đánh giá và tự đánh giá kết quả hoạt động nghề nghiệp của bản thân, đồng nghiệp, cơ sở giáo dục mầm non

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Giáo dục mầm non.

**2. Thời gian đào tạo:** 4 năm (48 tháng)

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 126 (chưa kể nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Theo Quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành

**6. Kiểm tra, đánh giá và thang điểm:** Theo qui định hiện hành

**7. Nội dung chương trình**

<b>7.1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>46</b>
7.1.1.	Lý luận chính trị	12
7.1.2.	Ngoại ngữ	10
7.1.3.	Khoa học xã hội + <i>Bắt buộc</i> : 4 + <i>Tự chọn</i> : 02	6
7.1.4.	Tin, KHTN và Môi trường	18
7.1.5.	GD thể chất.	4TC
7.1.6.	Giáo dục quốc phòng	165 tiết
<b>7.2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>67</b>
7.2.1.	Kiến thức cơ sở + <i>Bắt buộc</i> : 20 + <i>Tự chọn</i> : 02	22
7.2.2.	Kiến thức chung của ngành + <i>Bắt buộc</i> : 0 + <i>Tự chọn</i> : 16	16
7.2.3.	Kiến thức ngành + <i>Bắt buộc</i> : 26 + <i>Tự chọn</i> : 03	29
<b>7.3.</b>	<b>Thực tập, kiến tập, thực tế, khóa luận/HP thay thế</b>	<b>13</b>
7.3.1	Thực tế (Tỉnh ngoài)	
7.3.2	Kiến tập sư phạm (6 tuần)	2
7.3.3	+ Thực tập tốt nghiệp	5
7.3.4	Khoá luận tốt nghiệp/HP thay thế KLTN + <i>Bắt buộc</i> : + <i>Tự chọn</i> : 06	6
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>126</b>

## 8. Kế hoạch giảng dạy

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Học kì	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thực tế	Tự học			
<b>A</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>46</b>							
<b>I</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>12</b>							
1	196045	Những NLCB bản của CN Mác-Lênin 1	2	21	18	0	90	1	Nguyên lý	
2	196046	Những NLCB bản của CN Mác-Lênin 2	3	32	26	0	135	2	Nguyên lý	
3	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	32	26	0	135	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
4	198025	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	21	18	0	135	4	Đường lối	
5	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90	5	2 Luật	
<b>II</b>	<b>Khoa học xã hội</b>		<b>6</b>							
6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
a	245091	Văn học dân gian	2	18	21	3	90	2	Giáo dục ngôn ngữ	
b	145100	Đại cương về văn học Việt Nam	2	18	21	3	90	2	Giáo dục ngôn ngữ	
7	145046	Tiếng Việt và TVTH	4	36	42	6	180	1	Giáo dục ngôn ngữ	
<b>III</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>10</b>							
8	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180	1	Ngoại ngữ không chuyên	
9	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	2	8 Ngoại ngữ không chuyên	
10	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	3	9 Ngoại ngữ không chuyên	
<b>IV</b>	<b>Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên</b>		<b>18</b>							
11	198000	Quản lý HCNN & QLGD	2	18	24	0	90	7	14 15 Giáo dục học	
12	145040	PPNCKH Giáo dục	2	18	24	0	90	4	15 Giáo dục học	
13	173080	Tin học	2	10	0	40	90	1	Tin học ứng dụng	
14	181145	Tâm lý học đại cương	2	18	24	0	90	1	Tâm lý học	
15	182015	Giáo dục học đại cương	2	18	24	0	90	2	14 Giáo dục học	
16	147005	Mỹ thuật 1 (KT cơ bản)	4	36	42	6	180	3	Mỹ thuật	
17	147050	Âm nhạc (KT cơ bản)	4	36	36	12	180	4	Âm nhạc	
<b>IV</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>4</b>							
1	191004	Giáo dục thể chất 1 (học phần bắt buộc)	2	10	0	40	90	1	Lý luận và PP giảng dạy GDTC	
2		Giáo dục thể chất 2 (Học phần tự chọn)	2*	0	0	60	90	2		
	<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>									
a	191031	Bóng chuyền	2	0	0	60		2	Điền kinh- TD	
b	191032	Thể dục Aerobic	2	0	0	60		2	Điền kinh- TD	
c	191033	Bóng đá	2	0	0	60		2	Bóng	
d	191034	Bóng rổ	2	0	0	60		2	Bóng	
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2	0	0	60		2	Bóng	
<b>V</b>	<b>GD quốc phòng</b>									
		Giáo dục quốc phòng	165 tiết						TT GDQP	

<b>B</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>80</b>							
<b>I</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>		<b>22</b>							
18	145003	Văn học trẻ em	3	27	32	4	135	3	14a	Giáo dục ngôn ngữ
19	144001	Toán cơ sở	2	18	18	6	90	1		Giáo dục trí tuệ
20	181048	Tâm lý học trẻ em 1	2	18	18	6	90	2	14	Tâm lý học
21	181061	Tâm lý học trẻ em 2	2	18	12	12	90	3	20	Tâm lý học
22	182021	Giáo dục học MN	3	27	24	24	12	4	15	Giáo dục học
23	146021	Sinh lý trẻ em	2	18	24	0	90	3		GD dinh dưỡng và thể chất
24	145010	Dinh dưỡng trẻ em	2	18	12	12	90	6		GD dinh dưỡng và thể chất
25	147040	Vệ sinh trẻ em	2	18	18	6	90	6		GD dinh dưỡng và thể chất
26	146022	Bệnh trẻ em	2	18	21	3	90	5	20 21 22 23	GD dinh dưỡng và thể chất
27	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
a	245061	Sức khỏe sinh sản	2	18	20	4	90	6	24	GD dinh dưỡng và thể chất
b	146023	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	18	20	4	90			
<b>II</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>58</b>							
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức chung của ngành</b>		<b>16</b>							
28	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
a	144095	Nghề giáo viên MN và đánh giá trong GDMN	4	36	32	16	180	2		Giáo dục trí tuệ
b	144094	Giáo dục môi trường ở trường MN	4	36	32	16	180			
29	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
a	144044	Tổ chức HĐ cho trẻ LQ các BT toán học	3	18	36	18	135	8	41	Giáo dục trí tuệ
b	144022	Các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non		18	36	18	135		41	
30	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
a	246001	Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	2	18	20	4	90	6	20 21 22	Giáo dục ngôn ngữ
b	145075	Đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	2	18	20	4	90		38	
31	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
a	143017	Mĩ thuật ứng dụng	4	18	72	12	180	4	16	Mĩ thuật
b	143021	Mĩ thuật 2 (KT nâng cao)		18	72	12	180		16	
32	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
a	147056	Âm nhạc (KT nâng cao)	3	27	26	10	135	5	17	Âm nhạc
b	147062	Đàn Organ- chỉ huy dàn dựng		27	26	10	135		17	
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>29</b>							
33	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
a	146049	Tổ chức thực hành vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ mầm non	3	27	16	20	135	7	23 24 25	GD dinh dưỡng và thể chất
b	146024	Giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non		27	30	6	135		24 21 23	
34	146012	Giáo dục hoà nhập	2	18	20	4	90	7	22 23	Giáo dục trí tuệ
35	143014	Lý luận và PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ mầm non	3	27	32	4	135	5	16	Mĩ thuật
36	147047	Lý luận và PP tổ chức	3	27	26	10	135	6	17	Âm nhạc

		HD Âm nhạc cho trẻ mầm non								
37	145047	Lý luận và PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	4	36	42	6	180	7	15	Giáo dục ngôn ngữ
38	145048	Lý luận và PP cho trẻ làm quen TP văn học	3	27	36	0	135	6		Giáo dục ngôn ngữ
39	144005	Lý luận và PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em	3	27	28	8	135	7		Giáo dục trí tuệ
40	144006	Lý luận và PP HD trẻ khám phá MTXQ	3	27	28	8	135	6		Giáo dục trí tuệ
41	146046	Lý luận và PP giáo dục thể chất cho trẻ em	3	27	28	8	135	7		GD dinh dưỡng và thể chất
42	144007	Ứng dụng CNTT trong GDMN	2	18	15	15	90	5		Giáo dục trí tuệ
<b>II.3.</b>	<b>Thực tập, kiến tập, thực tế, KLTN</b>		<b>13</b>							
43	145059	Thực tế Kiến tập sư phạm	2	0	0	180		5		Khoa GD MN
44	145056	Thực tập sư phạm	5	0	0	225		8		Khoa GD MN
45	145057	Khoá luận tốt nghiệp/HP thay thế KLTN	6					8		Khoa GD MN
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>										
	147054	Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi	3	15	52	8	135	8	16 32	Mĩ thuật
	143022	Xây dựng môi trường hoạt động cho trẻ mầm non	3	15	52	8	135	8	16 32	Mĩ thuật
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>										
	145021	Hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non	3	27	32	4	135	8	39	Giáo dục ngôn ngữ
	146040	Tổ chức các hoạt động PT ngôn ngữ cho trẻ	3	27	32	4	135	8	39	Giáo dục ngôn ngữ
		<b>Tổng</b>	<b>126</b>							

## **9. Mô tả nội dung các học phần**

### **9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1/The basic principles of Maxism 1**

**2 TC (21;18;0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quan điểm duy vật biện chứng về thế giới; những nguyên lý, quy luật của sự vận động và phát triển của thế giới (tự nhiên xã hội và tư duy); lý luận nhận thức; cấu trúc của xã hội, những quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển của xã hội, các hiện tượng của xã hội, cấu trúc của đời sống xã hội, bản chất và vai trò của con người.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng nhận thức và cải tạo thế giới một cách đúng đắn; biết vận dụng nguyên lý, quy luật để giải quyết những vấn đề thực tiễn của bản thân một cách hiệu quả.

### **9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 2/The basic principles of Maxism 2**

**3 TC (32; 26; 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Nội dung học phần: Lý luận về hàng hóa và tiền tệ, quy luật kinh tế của nền sản xuất hàng hóa; các quá trình, các quy luật kinh tế chi phối sự ra đời, phát triển và suy tàn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; sự phát triển của phương thức sản xuất mới – phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa; lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng XHCN, những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được bản chất của các hiện tượng, quá trình kinh tế, các quy luật kinh tế chi phối nền kinh tế hàng hóa; hiểu được bản chất quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa là bóc lột giá trị thặng dư, các quy luật kinh tế của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa; có được phương pháp luận khoa học để giải quyết được các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đặt ra trong đời sống xã hội.

### **9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh/HoChiMinh's ideology**

**2 TC (21;18;0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Nội dung học phần: Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, bản chất, đặc điểm, đối tượng và ý nghĩa của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh; quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; các nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản VN; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

Năng lực đạt được: Sinh viên nâng cao được tư duy lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn; vận dụng được kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội và các vấn đề đặt ra trong cuộc sống; biết vận dụng lý luận vào thực tiễn để rèn luyện và hoàn thiện bản thân theo phong cách Hồ Chí Minh.

### **9.4. Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam/Vietnamese revolution policy**

**3 TC ( 32; 26;0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Nội dung học phần: Sự ra đời của ĐCSVN, đường lối chủ trương của Đảng trong hai cuộc cách mạng, CMDTDCND và CMXHCN, đường lối của ĐCSVN trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận thức đầy đủ, sâu sắc quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; SV có cơ

sở để vận dụng kiến thức chuyên ngành giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề do thực tiễn đặt ra; Có được niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, góp phần vào quá trình xây dựng; phát triển nhân cách của SV đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

### **9.5. Pháp luật đại cương/General Law 2TC (18;12;12)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

### **9.6. Chọn 1 trong 2 học phần sau**

#### **a. Văn học dân gian/Traditional literature 2 TC (18,21,3)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Kiến thức về văn học dân gian, bao gồm: khái niệm, đặc trưng cơ bản, tính dân tộc, tiến trình phát triển, vai trò của văn học dân gian với đời sống tâm hồn của người Việt, đặc biệt là đối với giáo dục trẻ Mầm non ; cách phân loại các thể loại văn học dân gian theo thi pháp thể loại. Học phần cũng định hướng cho người học cách tiếp cận các thể loại văn học dân gian theo các đặc điểm riêng: khái niệm, đặc trưng, nội dung, nghệ thuật ; phân biệt được điểm giống nhau và khác nhau trong từng thể loại.

Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được một số thể loại văn học dân gian, gắn kiến thức lý thuyết với thực tế đời sống, giáo dục đạo đức cho trẻ Mầm non.

#### **b. Đại cương về Văn học Việt nam/ Introduction to Vietnamese Literature**

**2 TC (18,21,3)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Kiến thức đại cương và hệ thống về văn học Việt nam, từ Văn học dân gian đến Văn học viết. Phần1, Văn học dân gian bao gồm: Khái quát chung về văn học dân gian Việt Nam; Các thể loại văn học dân gian. Phần 2, Văn học viết, bao gồm: Các giai đoạn lịch sử, sự phân kỳ văn học và các tác giả, tác phẩm tiêu biểu; Những nội dung tường cơ bản của văn học viết Việt Nam.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích – tổng hợp được các giai đoạn văn học, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu; năng lực tiếp nhận và cảm thụ tác phẩm văn học; năng lực phân tích, đánh giá tác phẩm văn học; từ đó, vận dụng vào việc dạy trẻ mầm non đọc, kể tác phẩm văn học..

### **9.7. Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành /Vietnamese and Vietnamese practice**

**4TC (36,42,6)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Kiến thức về tiếng Việt: đặc điểm, vai trò của tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp và tư duy; những vấn đề lý thuyết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách trên các phương diện: khái niệm, đặc điểm, cách phân loại, cách lĩnh hội và cách tạo lập các đơn vị của tiếng Việt; thực hành nhận diện, phân tích, tạo lập và chữa lỗi

về cách sử dụng tiếng Việt trong đời sống giao tiếp hàng ngày cũng như trong hoạt động dạy học cho trẻ Mầm non ở các phương diện cụ thể của tiếng Việt, từ ngữ âm đến ngữ pháp, phong cách.

Năng lực đạt được: Sinh viên sử dụng được tiếng Việt như một công cụ để giao tiếp, để tư duy; so sánh tiếng Việt với một số ngôn ngữ khác; đồng thời sử dụng tiếng Việt như một công cụ để học tốt các môn học khác.

### **9.8. Tiếng Anh 1:**

**4TC (36; 24; 24)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ Anh cơ bản.

Năng lực đạt được: Người học đạt năng lực bậc 2.2 theo KNLNNVN. Người học hiểu và thực hành được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp với những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày (như thông tin về gia đình, bản thân, hỏi đường, việc làm ...); mô tả được đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; tự học, xây dựng kế hoạch và làm việc nhóm; khai thác được thông tin bằng tiếng Anh trên Internet để phục vụ công việc học tập.

### **9.9. Tiếng Anh 2:**

**3TC (27; 18; 18)**

*Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên học phải đạt điểm D trở lên của học phần tiếng Anh 1

Nội dung học phần: Ôn luyện và phát triển kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ.

Năng lực đạt được: Sinh viên đạt năng lực Bậc 3.1 theo KNLNNVN; Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý một số tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có khả năng viết đoạn văn đơn giản với các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; khả năng tổ chức và tham gia các hoạt động nhóm; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản; khả năng xây dựng kế hoạch, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin trên Internet cho học tập.

### **9.10. Tiếng Anh 3:**

**3TC (27; 18; 18)**

*Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên học phải đạt điểm D trở lên của học phần tiếng Anh 2

Nội dung học phần: Củng cố và nâng cao kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cùng các kỹ năng ngôn ngữ.

Năng lực đạt được: Sinh viên đạt năng lực Bậc 3.2 theo KNLNNVN; Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện Có khả năng xây dựng kế hoạch tự học và làm việc nhóm tốt hơn; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản rõ ràng và chuẩn mực hơn; độc lập và sáng tạo trong tư duy.

### **9.11. Quản lý HCNN & Quản lý GD/Administration and education management**

**2TC (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Giáo dục học đại cương

Nội dung học phần: Hệ thống lý luận cơ bản về tổ chức và hoạt động của Nhà nước; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về Giáo dục và đào tạo từ năm 2011 đến năm 2020, Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011- 2020; Luật công chức; Luật

giáo dục; Điều lệ trường THCS & THPT theo quy định của Bộ Giáo dục & đào tạo đối với bậc học; Thực tiễn giáo dục ở địa phương về nhu cầu phát triển giáo dục & đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng thực hiện và đánh giá các điều luật, điều lệ giáo dục phổ thông, điều hành, điều chỉnh toàn bộ các hoạt động giáo dục nơi mình công tác sau này đúng định hướng chiến lược GD của Đảng để thực hiện mục tiêu giáo dục nước nhà.

#### **9.12. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục/Educational science research method** **2TC (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tâm lý học đại cương

Nội dung học phần: Đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản và hệ thống phương pháp nghiên cứu giáo dục học; vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục trong sự hình thành và phát triển nhân cách, các nhiệm vụ giáo dục trẻ ở trường mầm non; Một số vấn đề cơ bản về lý luận dạy học và lý luận giáo dục.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng phân tích, tổng hợp những tri thức về giáo dục học; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ở nhà trường; vận dụng được kiến thức giáo dục học trong công tác dạy học và giáo dục trẻ ở trường mầm non.

#### **9.13. Tin học/Informatics** **2 TC (10;0;40)**

*Điều kiện tiên quyết:* không

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về khai thác và sử dụng máy tính: tổng quan về tin học, máy tính, hệ điều hành Windows, mạng máy tính, Internet, các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu.

Năng lực đạt được: Sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.

#### **9.14. Tâm lý học đại cương/General Psychology** **2 TC (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Tâm lý học là một khoa; Những vấn đề về cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý; Các quá trình nhận thức cảm tính, lý tính của con người; Các thuộc tính tâm lý cơ bản của nhân cách và con đường hình thành, phát triển nhân cách; Những sai lệch hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách...

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng nhận nhận diện các hiện tượng tâm lý cũng như có phương hướng hình thành, phát triển tâm lý, nhân cách cho chính bản thân mình để phù hợp với cuộc sống cũng như hoạt động nghề nghiệp.

#### **9.15. Giáo dục học đại cương/General Pedagogy** **2TC (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tâm lý học đại cương

Nội dung học phần: Đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản và hệ thống phương pháp nghiên cứu giáo dục học; vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục trong sự hình thành và phát triển nhân cách, các nhiệm vụ giáo dục trẻ ở trường mầm non; Một số vấn đề cơ bản về lý luận dạy học và lý luận giáo dục.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng phân tích, tổng hợp những tri thức về giáo dục học; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ở nhà trường; vận dụng được kiến thức giáo dục học trong công tác dạy học và giáo dục trẻ ở trường mầm non.

**9.16. Mỹ thuật 1 (Kiến thức cơ bản)/ art 1****4TC (36,42,6)***Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Kiến thức lý luận chung về bản chất nghệ thuật tạo hình, hiểu khái quát lịch sử mỹ thuật, có kiến thức cơ bản về luật xa gần, giải phẫu; về hình hoạ, ký hoạ, màu sắc, bố cục, trang trí. Góp phần hình thành thị hiếu thẩm mỹ, hình thành một số kỹ năng cơ bản làm cơ sở để người học tiếp thu các kiến thức mỹ thuật ứng dụng

Năng lực đạt được: Sinh viên vẽ được kí họa phong cảnh, con vật, nhóm người đơn giản, biết pha màu, sử dụng màu sắc một cách hài hòa trong việc làm đồ dùng dạy học, đồ chơi và trang trí trường lớp mầm non sau này.

**9.17. Âm nhạc (kiến thức cơ bản)/Basic music****4TC (36,36,12)***Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Nhạc lý cơ bản: Cao độ âm thanh, trường độ âm thanh, nhịp, phách, các loại nhịp, dấu hóa, hóa biểu, cung, quãng, điệu thức, gam, giọng, dịch giọng, hợp âm, sơ lược về hình thức và thể loại âm nhạc, các ký hiệu. Ký, xướng âm: Điệu thức trưởng (Đô trưởng, Xon trưởng, Pha trưởng); Điệu thức thứ (La thứ, Mi thứ, Rê thứ); các kỹ thuật hát, múa.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ thuật ca hát cơ bản, các kỹ thuật hát và thể hiện bài hát. Kỹ thuật chỉ huy hát đồng ca và dàn dựng bài hát; một số kỹ năng múa, các động tác trong chất liệu múa dân gian Việt Nam

**\* Giáo dục thể chất/Physical education****4TC****Giáo dục thể chất 1****2 TC (10; 0; 40)***Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa môn bóng chuyền, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng rổ, Vovinam - Việt võ đạo, chạy cự ly ngắn và nhảy xa ưỡn thân; bài tập thể dục tay không 9 động tác.

Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục tay không 9 động tác, chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân ở các giải phong trào.....

**Giáo dục thể chất 2****2 TC (0; 0; 60)***Chọn 1 trong 5 nội dung:***a) Bóng chuyền***Điều kiện tiên quyết:* GDTC1

Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay trước mặt).

Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay trước mặt); tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.

**b) Aerobic Dansports***Điều kiện tiên quyết:* GDTC1

Nội dung học phần: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hành thành thạo các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc; tự rèn luyện nâng cao thể chất.

### **c) Bóng đá**

Điều kiện tiên quyết: GDTC1

Nội dung học phần: Các bài tập chiến thuật tấn công, phòng thủ trong thi đấu Bóng đá, luật bóng đá (Sân 11 người, 7 người, 5 người). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu và trọng tài.

Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá (Đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, mu ngoài, mu chính diện, mu lai má..); Tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng đá phong trào.

### **d) Bóng rổ**

Điều kiện tiên quyết: GDTC1

Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Các kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật dẫn bóng, chuyền bóng bằng 1 tay, 2 tay). Các kỹ thuật tại chỗ ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật móc xuôi, móc ngược trong bóng rổ.

Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng nhanh bằng 1 tay, 2 tay; kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng rổ phong trào.

### **e) Võ Vovinam**

Điều kiện tiên quyết: GDTC1

Nội dung học phần: Các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam, từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.

Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phong trào.

## **\* Giáo dục Quốc phòng/Military education**

**165 tiết**

### **Đường lối quân sự của Đảng, 3 ĐVHT (45 tiết)**

Điều kiện tiên quyết: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nội dung học phần: Quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng phân tích nguồn gốc, bản chất chiến tranh, tính tất yếu và mục tiêu bảo vệ Tổ quốc để nhận thức đúng quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng, an ninh, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp kinh tế xã hội với quốc phòng - an ninh; vận dụng nghệ thuật quân sự trong bảo vệ Tổ quốc.

**Công tác quốc phòng, an ninh, 2 tín chỉ;**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Phòng chống "diễn biến hòa bình"; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia; Một số nội dung về dân tộc, tôn giáo và phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo; bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng nhận thức được âm mưu, thủ đoạn và tham gia đấu tranh, phòng chống "diễn biến hòa bình"; vận dụng kiến thức tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự xã hội; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.

**Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC), 5 ĐVHT.**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Điều lệnh đội ngũ và ba môn quân sự phối hợp; bản đồ quân sự; một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; Tùng người trong chiến đấu tiên công và phòng ngự, các tư thế vận động trong chiến đấu; tính năng, tác dụng và kỹ thuật bắn súng AK (CKC) với mục tiêu cố định ban ngày.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng thực hiện được các bước, động tác đội ngũ đơn vị; sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí, bản đồ địa hình; vận dụng kiến thức chiến thuật bộ binh; biết phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn; thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương; biết bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

**9.18. Văn học trẻ em/ Literature for children**

**3TC (27,32,4)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học dân gian

Nội dung học phần: Kiến thức về văn học trẻ em Việt Nam: khái quát tình hình sáng tác văn học cho trẻ em qua các chặng đường phát triển; một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu; thơ do trẻ em sáng tác.; kiến thức về văn học trẻ em nước ngoài: khái quát chung về tình hình sáng tác thơ, truyện cho trẻ em ở một số nước trên thế giới; giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực tổng hợp, khái quát những tri thức về văn học trẻ em, năng lực đọc hiểu, phân tích và đánh giá tác phẩm văn học; biết lựa chọn tác phẩm phù hợp với độ tuổi mầm non, biết vận dụng kiến thức về văn học trẻ em vào việc giúp trẻ làm quen với tác phẩm văn học.

**9.19. Toán cơ sở/ Basis mathematics**

**2 TC (18,18,6)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Khái niệm, kiến thức cơ bản của lý thuyết tập hợp; mô tả được khái niệm, cách xây dựng dãy số tự nhiên; Phép đếm và hệ thống ghi số; mô tả được việc giải các bài toán về suy luận logic. Hiểu sâu sắc những khái niệm, kiến thức mở đầu về thống kê toán. Từ đó, sinh viên có cơ sở khoa học vững chắc để hiểu và triển khai tốt chương trình hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non.

Năng lực đạt được: Sinh viên chứng minh được các dạng thức tập hợp; Chứng minh một tập hợp là một tập tương đương hay tập sắp thứ tự; Xây dựng, chứng minh các ánh xạ là những đơn ánh, toàn ánh, song ánh, .... Các bài toán đếm; Xây dựng dãy số tự nhiên và chuyển đổi cơ số giữa các hệ đếm. Các bài toán về suy luận lô gíc và thống kê toán. Đồng thời sinh viên có khả năng ứng dụng hiệu quả các kiến thức toán cơ sở vào quá trình dạy học toán cho trẻ mầm non.

### **9.20. Tâm lý học trẻ em 1/ Child Psychology 1**

**2 TC (18,18,6)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tâm lý học đại cương

Nội dung học phần: Hệ thống lý luận cơ bản về tổ chức và hoạt động của Nhà nước; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về Giáo dục và đào tạo từ năm 2011 đến năm 2020, Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011- 2020; Luật công chức; Luật giáo dục; Điều lệ trường THCS & THPT theo quy định của Bộ Giáo dục & đào tạo đối với bậc học; Thực tiễn giáo dục ở địa phương về nhu cầu phát triển giáo dục & đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện và đánh giá được các điều luật, điều lệ giáo dục phổ thông, điều hành, điều chỉnh toàn bộ các hoạt động giáo dục nơi mình công tác sau này đúng định hướng chiến lược GD của Đảng để thực hiện mục tiêu giáo dục nước nhà.

### **9.21. Tâm lý học trẻ em 2/Child Psychology 2**

**2 TC (18,12,12)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tâm lý học trẻ em 1

Nội dung học phần: Hệ thống lý luận cơ bản về tổ chức và hoạt động của Nhà nước; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về Giáo dục và đào tạo từ năm 2011 đến năm 2020, Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011- 2020; Luật công chức; Luật giáo dục; Điều lệ trường THCS & THPT theo quy định của Bộ Giáo dục & đào tạo đối với bậc học; Thực tiễn giáo dục ở địa phương về nhu cầu phát triển giáo dục & đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng thực hiện và đánh giá các điều luật, điều lệ giáo dục phổ thông, điều hành, điều chỉnh toàn bộ các hoạt động giáo dục nơi mình công tác sau này đúng định hướng chiến lược GD của Đảng để thực hiện mục tiêu giáo dục nước nhà.

### **9.22. Giáo dục học MN /Child pedagogy**

**3 TC (27,24,12)**

*Điều kiện tiên quyết:* Giáo dục học đại cương

Nội dung học phần: Những vấn đề chung của giáo dục học mầm non và các nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non; Quy trình, cách thức tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non; Tổ chức các hoạt động (hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập) của trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp; Tổ chức lễ hội, tham quan ở trường mầm non; Chuẩn bị cho trẻ mầm non vào lớp một; Đánh giá các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non.

Năng lực đạt được: Sinh viên tổ chức được chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non; Tổ chức các hoạt động (hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập) của trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp; Tổ chức lễ hội, tham quan ở trường mầm non.

### **9.23. Sinh lý trẻ em/Children physiology**

**2TC (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Đặc điểm giải phẫu và sinh lý của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em; các quá trình sinh lý, trao đổi chất, sinh trưởng và phát triển của cơ thể trẻ ở lứa tuổi mầm non.

Năng lực đạt được: Sinh viên tự đánh giá được sự phát triển thể chất của trẻ qua các giai đoạn tuổi.

#### **9.24. Dinh dưỡng trẻ em/ Traditional Nutrition** **2TC (18,12,12)**

*Điều kiện tiên quyết:* Sinh lý trẻ em

Nội dung học phần: Kiến thức về dinh dưỡng học đại cương và nhu cầu dinh dưỡng của trẻ lứa tuổi mầm non; cách xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ lứa tuổi mầm non; cách tổ chức ăn uống cho trẻ phù hợp với các giai đoạn phát triển lứa trẻ.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng chế biến thức ăn, kỹ năng tổ chức ăn uống cho trẻ một cách khoa học, đáp ứng nhu cầu về năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết cho trẻ theo từng lứa tuổi nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện.

#### **9.25. Vệ sinh trẻ em/ Children' personal hygiene** **2TC (18,18,6)**

*Điều kiện tiên quyết:* Sinh lý trẻ em

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về vệ sinh học (vi khuẩn, vi rút, kí sinh trùng...); các nhân tố gây nhiễm khuẩn; qui trình tổ chức vệ sinh cho trẻ mầm non, vệ sinh không khí, nguồn nước, mặt đất trường mầm non, góp phần bảo vệ môi trường;

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ; thực hành chăm sóc vệ sinh, phòng bệnh các giai đoạn lứa tuổi khác nhau; tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ một cách hợp lý, khoa học.

#### **9.26. Bệnh trẻ em/ Childhood diseases** **2TC (18,21,3)**

*Điều kiện tiên quyết:* Sinh lý trẻ em, GDHMN, Tâm lý học trẻ em

Nội dung học phần: Kiến thức về tình hình bệnh tật ở trẻ em hiện nay; các bệnh thường xảy ra đối với trẻ em. Những kiến thức, kỹ năng cần thiết để nhận biết và xử trí ban đầu đối với các bệnh mà trẻ hay mắc phải, các biện pháp phòng các bệnh dịch trong cộng đồng, nhất là các bệnh thường gặp ở trẻ mầm non.

Năng lực đạt được: Sinh viên tổ chức thực hành xử trí được dưới các tình huống về các bệnh lý mà trẻ dễ mắc phải; thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục trẻ tự phòng tránh bệnh tật.

#### **9.27. Chọn 1 trong 2 học phần sau**

##### **a. Sức khỏe sinh sản/ Reproductive Health** **2TC (18,20,4)**

*Điều kiện tiên quyết:* Sinh lý trẻ em

Nội dung học phần: Kiến thức về sức khỏe sinh sản ở các giai đoạn lứa tuổi; cách chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ, trẻ em và các đối tượng khác; cải thiện và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS; giảm tỉ lệ có thai ngoài ý muốn, nhiễm HIV và rối loạn tâm lý ở vị thành niên góp phần nâng cao sức khỏe bà mẹ, trẻ em, nâng cao sức khỏe cộng đồng và duy trì đạo đức xã hội.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng tư vấn, truyền thông về sức khỏe sinh sản, giáo dục giới tính cho trẻ mầm non; thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mầm non

##### **b. Vệ sinh an toàn thực phẩm / Food Hygiene and Safety** **2TC (18,20,4)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Kiến thức về thực phẩm, cách nhận biết và lựa chọn thực phẩm đảm bảo giá trị dinh dưỡng và vệ sinh an toàn; cách tổ chức ăn uống đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho các đối tượng trong cộng đồng, đặc biệt là mầm non;

Năng lực đạt được: Sinh viên tổ chức thực hành các kỹ năng lựa chọn thực phẩm đảm bảo giá trị dinh dưỡng, kỹ năng chế biến thực phẩm đúng qui trình, kỹ năng sử dụng bảo quản thực phẩm an toàn; thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ ở trường mầm non nhằm bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho trẻ và cộng đồng.

### **9.28. Chọn 1 trong 2 học phần**

#### **a. Nghề giáo viên mầm non và Đánh giá trong giáo dục mầm non/Early childhood schooling and assessment of early childhood education 4TC (36,32,16)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

*Nội dung:* Kiến thức chung về nghề giáo viên mầm non; kiến thức giao tiếp và ứng xử sư phạm của GVMN; phẩm chất, kiến thức, kỹ năng về hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non theo qui định của BGD&ĐT; kiến thức về đánh giá trong giáo dục mầm non: đánh giá hoạt động nghề nghiệp của GVMN, đánh giá sự phát triển của trẻ, đánh giá công tác tổ chức và quản lý trường mầm non.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm trong hoạt động nghề nghiệp của GVMN (với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp...); năng lực thực hiện một số kỹ năng nghề (múa, hát, tổ chức hoạt động giáo dục mầm non theo từng độ tuổi như: hoạt động học có chủ đích, hoạt động vui chơi, hoạt động lao động...); có kỹ năng sử dụng các phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp của GVMN, đánh giá sự phát triển của trẻ hàng ngày hoặc theo giai đoạn.

#### **b. Giáo dục môi trường ở trường mầm non /Environment education for pre-school children. 3TC (36,32,16)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về giáo dục môi trường và cơ sở của việc đưa nội dung giáo dục môi trường vào chương trình giáo dục mầm non. Sinh viên hiểu sâu sắc về mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện giáo dục môi trường cho trẻ trong trường mầm non.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ thông qua các hoạt động giáo dục ở trường mầm non; Có kỹ năng thiết kế các hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ qua các hoạt động giáo dục và qua chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non.

### **9.29. Chọn 1 trong 2 học phần**

#### **a. Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với các biểu tượng toán học/ Organizing activities for pre-school children approach mathematical symbols 3 TC (18,36,18)**

*Điều kiện tiên quyết:* Lý luận và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.

Nội dung học phần: Kiến thức về đổi mới giáo dục mầm non nói chung và đổi mới hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mầm non nói riêng cùng với những cập nhật về chuyên ngành hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mầm non nhằm làm cơ sở vững chắc để tổ chức tốt các hoạt động học có chủ đích và phát triển trí tuệ cho trẻ. Sinh

viên hiểu sâu sắc một hệ thống các hoạt động hỗ trợ quá trình dạy học toán cho trẻ mầm non theo 5 nội dung: Số lượng; Hình dạng; Kích thước; Định hướng trong không gian và Định hướng thời gian.

Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo, linh hoạt và sáng tạo tổ chức thực hành các hoạt động hỗ trợ quá trình dạy học toán cho trẻ trên tiết học hay ở mọi lúc, mọi nơi bằng việc phối kết hợp với các hoạt động khác và các môn học khác theo 5 nội dung: Các biểu tượng về Số lượng; Hình dạng; Kích thước; Định hướng trong không gian và Định hướng thời gian.

**b. Các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non/ Organization of introductory activities to Math 3TC (18,36,18)**

*Điều kiện tiên quyết:* Lý luận và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.

*Nội dung:* Kiến thức cơ bản về Vai trò của các hoạt động làm quen với toán đối với trẻ mầm non; Đặc điểm phát triển các biểu tượng toán học cơ bản ban đầu của trẻ mầm non; Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động làm quen với toán cho trẻ mầm non; Tổ chức môi trường cho hoạt động làm quen với toán và sự phối kết hợp giữa giáo viên, cha mẹ và người chăm sóc trẻ trong việc cho trẻ làm quen với toán. Học phần cũng trang bị cho sinh viên một hệ thống các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non (1 – 6 tuổi) cùng với cách tổ chức thực hiện chúng.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng tổ chức linh hoạt, sáng tạo các hoạt động giúp trẻ làm quen với toán, đặc biệt áp dụng trong các hoạt động làm quen với toán cho trẻ mầm non.

**9.30. Chọn 1 trong 2 học phần sau:**

**a/ Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non/ Activities and Activity Organization 2 TC (18,20,4)**

*Điều kiện tiên quyết:* Giáo dục học MN, Tâm lý học MN.

*Nội dung học phần:* Giới thiệu chương trình chăm sóc- giáo dục mầm non mới; Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non: Nguyên tắc xây dựng kế hoạch, các loại kế hoạch, cấu trúc và nội dung từng loại kế hoạch; Xây dựng môi trường giáo dục, hướng dẫn cách thức tạo dựng và sử dụng môi trường giáo dục cho các hoạt động trong trường mầm non; Đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình chăm sóc – giáo dục trẻ.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, tổng hợp, đánh giá việc lập kế hoạch và tổ chức hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ, có năng lực tổ chức hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ, biết thiết kế và xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non. Từ đó, sinh viên biết mô tả đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

**b/ Đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học/ Reading and telling literature works expressively 2 TC (18,20,4)**

*Điều kiện tiên quyết:* Lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học

*Nội dung học phần:* Những vấn đề lý luận về nghệ thuật đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học; Quan niệm và cơ sở lý luận của đọc, kể diễn cảm; Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học; Đọc, kể tác phẩm văn học theo loại thể; Chuyên thể tác phẩm thành kịch bản dành cho trẻ mẫu giáo; Tổ chức hoạt động đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học ở trường mầm non; Tập cho trẻ đóng kịch theo tác phẩm văn học.

Năng lực đạt được: Sinh viên đọc, kể diễn cảm được tác phẩm văn học, dạy trẻ đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học, lựa chọn và chuyển thể tác phẩm thành kịch bản dành cho trẻ mẫu giáo; tổ chức hoạt động đọc, kể diễn cảm cho trẻ ở trường mầm non.

### **9.31. Chọn 1 trong 2 học phần**

#### **a. Mỹ thuật ứng dụng /Applied arts**

**4 TC (18, 72,12)**

*Điều kiện tiên quyết:* Mỹ thuật 1.

Nội dung học phần: Kiến thức lý luận chung về mỹ thuật ứng dụng như: thiết kế nội thất lớp học, trang phục, đồ họa sách báo, kiến thức nâng cao về vẽ trang trí, vẽ tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật vẽ tranh minh, thưởng thức mỹ thuật, góp phần hình thành thị hiếu thẩm mỹ và các kỹ năng ứng dụng vào giáo dục trẻ mầm non,

Năng lực đạt được: Sinh viên làm được đồ dùng dạy học đạt yêu cầu về bố cục hợp lý, màu sắc hài hòa tươi sáng, trang trí được lớp phù hợp với nhận thức của trẻ. Dạy trẻ biết thưởng thức và đánh giá các tác phẩm nghệ thuật một cách đúng đắn, khơi gợi tình yêu thiên nhiên đất nước thông qua các sản phẩm tạo hình. Hình thành hứng thú học tập làm tăng khả năng sáng tạo độc lập ở trẻ.

#### **b. Mỹ thuật 2/ Art 2**

**4TC (18, 72,12)**

*Điều kiện tiên quyết:* Mỹ thuật 1

*Nội dung:* Kiến thức lý luận chung về lược sử mỹ Việt nam, các kiểu chữ cơ bản, nghệ thuật điêu khắc, nghệ thuật xếp dán, xé cắt dán tranh minh họa, tranh tĩnh vật, con vật, tranh phong cảnh, giúp SV phát triển các khả năng tư duy sáng tạo, biết vận dụng kiến thức về nghệ thuật tạo hình để ứng dụng vào trang trí, xây dựng môi trường giáo dục ở trường lớp mầm non theo các chủ đề.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng xé, cắt dán để trang trí lớp học có giá trị thẩm mỹ, khoa học, phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ của trẻ. Biết hướng dẫn các kỹ năng năng nặn, vẽ, xếp dán cho trẻ trong các giờ tổ chức hoạt động tạo hình một cách chính xác, phù hợp và dễ hiểu.

### **9.32. Chọn 1 trong 2 học phần**

#### **a. Âm nhạc (kiến thức nâng cao)/Music (Advanced)**

**3TC (27,26,10)**

*Điều kiện tiên quyết:* Âm nhạc (Kiến thức cơ bản).

Nội dung học phần: Nâng cao kỹ năng thực hành âm nhạc: Ký xướng âm và hát. Nâng cao kỹ năng thực hành, biên soạn múa cho trẻ MN.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng thực hành âm nhạc: Ký xướng âm và hát. Nâng cao kỹ năng thực hành, biên soạn múa cho trẻ MN.

#### **b. Đàn Organ - chỉ huy dàn dựng/Organ-Conducting**

**3 TC (27,26,10)**

*Điều kiện tiên quyết :* Âm nhạc (Kiến thức cơ bản).

Nội dung học phần: Giới thiệu về đàn organ, một số chức năng cơ bản; các bài tập C Dur, F Dur, G Dur. Kỹ thuật cơ bản về dàn dựng và chỉ huy.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng thực hành các bài tập C Dur, F Dur, G Dur. Kỹ thuật cơ bản về dàn dựng và chỉ huy hoạt động âm nhạc ở trường mầm non.

### **9.33. Chọn 1 trong 2 học phần**

#### **a. Tổ chức thực hành Vệ sinh – Dinh Dưỡng cho trẻ mầm non/ Organizing practice of Hygiene and nutrition for pre-school children.**

**3TC (27,16,20)**

*Điều kiện tiên quyết:* Sinh lý trẻ em; Vệ sinh trẻ em, Dinh dưỡng trẻ em

Nội dung học phần: Kiến thức và qui trình tổ chức thực hành Vệ sinh- Dinh dưỡng cho trẻ mầm non.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng thực hành vệ sinh - dinh dưỡng; nội dung và kết quả mong đợi cho từng độ tuổi của trẻ mầm non; phương pháp, biện pháp tổ chức thực hành vệ sinh – dinh dưỡng cho trẻ; Qui trình xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục dinh dưỡng - vệ sinh cho trẻ ở trường mầm non. Tổ chức tham quan, tìm hiểu các hoạt động vệ sinh – dinh dưỡng tại các trường Mầm non. Thiết kế và tổ chức thực hành giáo dục ý thức tự vệ sinh – dinh dưỡng cho trẻ. Thực hành rèn luyện những kỹ năng trong qui trình tổ chức thực hiện vệ sinh - dinh dưỡng phù hợp với từng giai đoạn tuổi mầm non.

**b. Giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non / Education of disease prevention and safety for pre-school children 3TC (27,30,6)**

*Điều kiện tiên quyết:* Sinh lý trẻ em; GDHMN, TLH trẻ em

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về tình trạng bệnh tật và tai nạn của trẻ em hiện nay, những bệnh tật và tai nạn thường xảy ra đối với trẻ ở trường mầm non; những kỹ năng nhận biết và xử trí ban đầu những bệnh và tai nạn trẻ em thường mắc phải. Cách thiết kế và tiến hành tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục trẻ có thể tự phòng tránh một số bệnh và tai nạn xảy ra hàng ngày đối với trẻ. Tổ chức thực hành rèn kỹ năng tuyên truyền về các biện pháp phòng bệnh, bảo vệ và phòng tránh các tai nạn nhằm góp phần nâng cao sức khỏe cho trẻ và chất lượng cuộc sống trong cộng đồng.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng thiết kế và tiến hành tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục trẻ có thể tự phòng tránh một số bệnh và tai nạn xảy ra hàng ngày đối với trẻ; Tổ chức tuyên truyền về các biện pháp phòng bệnh, bảo vệ và phòng tránh các tai nạn nhằm góp phần nâng cao sức khỏe cho trẻ và chất lượng cuộc sống trong cộng đồng.

**9.34. Giáo dục hoà nhập/ Integrative education 2TC (18,20,4)**

*Điều kiện tiên quyết:* Giáo dục học mầm non, Sinh lý trẻ em.

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật (Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, quy trình can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập). Nắm vững kiến thức và cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tuổi mầm non (Khái niệm về các dạng tật thường gặp; Nguyên nhân, những ảnh hưởng của tật đối với sự phát triển của trẻ; Biện pháp tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tuổi mầm non).

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ khuyết tật trong lớp mẫu giáo hòa nhập. Rèn luyện khả năng tư vấn trong cộng đồng về công tác can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tuổi mầm non.

**9.35. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non/ Theories and methods of Organizing plastic activities for pre-school children 3TC (27,32,4)**

*Điều kiện tiên quyết:* Mỹ thuật 1

Nội dung học phần: Kiến thức lý luận chung về các phương pháp, các hình thức tổ chức hoạt động tạo hình, cách vận dụng các kiến thức cơ bản đó vào thực tiễn trong trường mầm non. Nghiên cứu về đặc điểm hoạt động tạo hình của trẻ để có được cách nhìn về thị hiếu thẩm mỹ một cách đúng đắn.

Năng lực đạt được: Sinh viên biết cách thức xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động tạo hình cụ thể của từng chủ đề trong năm, xây dựng môi trường giáo dục hợp lý. Thành thạo việc soạn giáo án và thực hiện tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non đáp ứng các yêu cầu mới của giáo dục hiện đại theo hướng tiếp cận khoa học, phát huy tính tích cực, sáng tạo hướng vào trẻ em.

**9.36. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non/ Theories and methods of Organizing music activities for pre-school children 3TC (27,26,10)**

*Điều kiện tiên quyết:* Âm nhạc (Kiến thức cơ bản).

Nội dung học phần: Một số vấn đề về phương pháp giáo dục âm nhạc trong trường mầm non, vai trò của giáo dục âm nhạc đối với sự phát triển toàn diện nhân cách trẻ, tiếp cận tổng hợp trong giáo dục âm nhạc, đặc điểm và khả năng âm nhạc của trẻ mầm non các độ tuổi, mục đích yêu cầu và nhiệm vụ giáo dục âm nhạc. Phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc: Nghe nhạc, ca hát, múa và vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc. Các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc: Bài học âm nhạc. Hoạt động âm nhạc trong đời sống hàng ngày. Âm nhạc trong ngày lễ hội. Các lực lượng hỗ trợ khác trong quá trình giáo dục âm nhạc. Soạn giáo án và thực hành tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.

Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực tổ chức các hoạt động âm nhạc ở trường mầm non theo từng độ tuổi, từng chủ đề và gắn với các lĩnh vực giáo dục mầm non.

**9.37. Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non/ Theories and methods of developing language for pre-school children 4TC (36,42,6)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành

Nội dung học phần: Kiến thức về lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Học phần gồm các nội dung: Những vấn đề lý luận về phát triển ngôn ngữ cho trẻ tuổi mầm non.; Phương pháp và hình thức phát triển lời nói cho trẻ: Phương pháp luyện phát âm; Phương pháp phát triển từ; Phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, nói mạch lạc; Phương pháp dạy trẻ làm quen với chữ cái; Thực hành soạn giáo án, phân tích giáo án; Dự giờ thực hành tại trường Mầm non thực hành và tập dạy.

Năng lực đạt được: Sinh viên dạy được tiếng mẹ đẻ cho trẻ từ 0 – 6 tuổi, năng lực lập kế hoạch giúp trẻ luyện phát âm đúng, phát triển từ, nói đúng ngữ pháp và diễn đạt mạch lạc; có năng lực lập kế hoạch dạy trẻ 5-6 tuổi làm quen với chữ cái.

**9.38. Lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học/ Theories and methods of approaching literature works for pre-school children**

**3 TC(27,32,4)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học trẻ em, Văn học dân gian.

Nội dung học phần: Kiến thức về lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; bao gồm các nội dung: Những vấn đề lý luận chung về bộ môn: Khái niệm, nhiệm vụ cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; Vai trò của văn học đối với giáo dục trẻ; Đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ mầm non; Nội dung, phương pháp, biện pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; Hình thức dạy trẻ làm quen với tác phẩm văn học; Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học ở các độ tuổi mầm non.

Năng lực đạt được: Sinh viên lựa chọn được tác phẩm phù hợp với tuổi mầm non theo các chủ đề trong năm học, năng lực phân tích và đánh giá tác phẩm văn học, năng

lực lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm. văn học ở các độ tuổi mầm non.

**9.39. Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em/ Theories and methods of shaping mathematical symbols for pre-school children 3TC (27,28,8)**

*Điều kiện tiên quyết:* Toán cơ sở

Nội dung học phần: Hệ thống các khái niệm, kiến thức cơ bản về lý luận dạy học toán cho trẻ mầm non, các kỹ năng tổ chức thực hành bộ môn và biết cách liên hệ, vận dụng chúng một cách linh hoạt vào quá trình hình thành cho trẻ các biểu tượng toán học cơ bản ban đầu; nội dung chương trình hình thành các biểu tượng toán cùng với một hệ thống các

Năng lực đạt được: Sinh viên sáng tạo vận dụng được các nguyên tắc, các phương pháp và các hình thức tổ chức dạy học toán cho trẻ vào việc giải quyết hệ thống các câu hỏi và bài tập thực hành của học phần cũng như trong quá trình kiến tập, thực tập dạy học toán cho trẻ mầm non; thành thạo, linh hoạt và sáng tạo trong việc thiết kế, tổ chức các hoạt động hỗ trợ quá trình dạy học toán cho trẻ.

**9.40. Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh/ Theories and method for children approach science about surrounding Environment 3 TC (27,28,8)**

*Điều kiện tiên quyết:* Giáo dục học MN, Tâm lý học MN, MT và con người.

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản, những lý luận chung nhất của bộ môn: Đối tượng, nhiệm vụ, cơ sở khoa học, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học. Sinh viên hiểu sâu sắc về mục đích, nhiệm vụ, nội dung và các nguyên tắc hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh theo từng độ tuổi trẻ. Nắm vững các phương pháp, biện pháp, hình thức và phương tiện tổ chức hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh nhằm hình thành nhận thức và kỹ năng xã hội cho trẻ.

Năng lực đạt được: Sinh viên tổ chức được các hoạt động cho trẻ khám môi trường xung quanh một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và phù hợp với nhu cầu phát triển của trẻ trong giai đoạn hiện nay; có khả năng khai thác, sử dụng các phương tiện, điều kiện sẵn có ở địa phương vào việc hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh.

**9.41. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em /Theories Methods of teaching Physical Education to pre-school children 3TC (27,28,8)**

*Điều kiện tiên quyết:* Giáo dục học MN, Tâm lý học mầm non, sinh lý trẻ em

Nội dung học phần: Kiến thức về giáo dục thể chất cho trẻ; đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của GDTC cho trẻ; Đặc điểm phát triển thể chất ở trẻ, phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Nội dung học phần đề cập tới nội dung, phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức giáo dục thể chất phù hợp với từng độ tuổi cho trẻ ở trường mầm non.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hành, rèn luyện được hệ thống các bài tập thực hành theo các độ tuổi; thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ phù hợp với từng độ tuổi nhằm giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non.

**9.42. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non/ Applying information technology in early childhood education 2TC (15,15,15)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tin học, Nghệ GVMN và Đánh giá trong GDMN

Nội dung học phần: Các quan điểm sư phạm về ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non; Vai trò của CNTT trong GDMN; yêu cầu đối với GVMN trong việc ứng dụng CNTT; các kỹ thuật ứng dụng CNTT, sử dụng phần mềm trong tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong thiết kế tư liệu giáo dục và thiết kế các hoạt động giáo dục ở trường mầm non; kỹ năng khai thác và sử dụng hiệu quả Internet phục vụ các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.

#### **9.43a. Thực tế chuyên môn**

*Điều kiện tiên quyết:* Đã học một số môn cơ sở và kiến thức chung của ngành.

Nội dung học phần: Tìm hiểu việc tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non; việc tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp; xây dựng môi trường giáo dục mầm non; công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường mầm non Tỉnh ngoài.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng cơ bản trong tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non; Kỹ năng thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục; Kỹ năng quản lý nhà trường.

#### **9.43b. Kiến tập sư phạm/Practicum**

**2 TC(0,0,180)**

*Điều kiện tiên quyết:* Đã học một số môn cơ sở và kiến thức chung của ngành

Nội dung học phần: Sinh viên kiến tập ở các trường mầm non: dự giờ, phân tích các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục ở từng độ tuổi. Tìm hiểu các loại hình giáo dục mầm non, chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu Giáo dục Mầm non, chương trình giáo dục mầm non đang thực hiện tại trường. Bước đầu tham gia vào các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề như: quản lý lớp, chăm sóc giáo dục trẻ, tập lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ ở các độ tuổi, tập tổ chức các hoạt động chơi và học ở các độ tuổi, làm quen với trường lớp mầm non nhằm chuẩn bị tốt cho công tác thực tập sư phạm ở học kỳ 8.

Thực tế các trường MN ngoài Tỉnh (1 tuần) để học tập các mô hình giáo dục mầm non mới, công tác xã hội hóa giáo dục và việc thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục mầm non tại các vùng, miền trong nước.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp cơ bản: Kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; Kỹ năng quản lý nhóm trẻ; Kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ; Kỹ năng chủ nhiệm lớp; Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi phục vụ hoạt động giáo dục.

#### **9.44. Thực tập tốt nghiệp/Final practice**

**5 TC (0,0,225)**

*Điều kiện tiên quyết:* Kiến tập sư phạm, các học phần chuyên ngành giáo dục mầm non

Nội dung học phần: Sinh viên tìm hiểu toàn diện về thực tiễn giáo dục mầm non về chức năng, nhiệm vụ của trường mầm non, giáo viên mầm non, về chương trình giáo dục mầm non, công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường mầm non; làm quen với việc lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ ở các độ tuổi; làm quen với việc quản lý trẻ và giao tiếp với trẻ, tập soạn giáo án, tập giảng dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Thực hành kỹ năng nghề, tham gia tất cả các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non; thực hành lập kế hoạch và triển khai kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ ở các độ tuổi; tổ chức quản lý lớp, tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi cho trẻ; thực

hành và tổ chức đánh giá các hoạt động giáo dục trẻ; sử dụng công nghệ thông tin, phương tiện hiện đại phục vụ các hoạt động giáo dục trẻ.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp của GVMN: Kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục ở bậc mầm non theo độ tuổi; Kỹ năng quản lý nhóm trẻ; Kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ; Kỹ năng chủ nhiệm lớp; Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi phục vụ hoạt động giáo dục. Kỹ năng thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.

#### **9.45. Khoá luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp/ Thesis**

##### **a. Khóa luận tốt nghiệp**

**6TC (0,0,270)**

*Điều kiện tiên quyết:* Khoản 2, điều 29 QĐ 234/QĐ – ĐHHĐ ngày 26 tháng 2 năm 2013

Nội dung học phần: Sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

Năng lực đạt được: Sinh viên có những kinh nghiệm, khả năng thực tế; học hỏi và có cách nhìn nhận, phân tích vấn đề, cách ứng dụng lý thuyết vào thực tế.

##### **b. Học phần thay thế KLTN**

*\* Chọn 1 trong 2 học phần sau:*

##### **a. Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi/ The Skill making teaching aids and toys**

**3 TC (15,52,8)**

*Điều kiện tiên quyết :* Mỹ thuật 1, Mỹ thuật 2.

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về học phần: các khái niệm về đồ chơi, quan hệ giữa đồ chơi và trò chơi; ý nghĩa giáo dục của đồ chơi, các nguyên tắc, kỹ thuật, cách bảo quản đồ làm đồ chơi trong trường mầm non; các kỹ năng làm đồ chơi từ các nguyên liệu khác nhau.

Năng lực đạt được: Sinh viên làm được đồ dùng dạy học, đồ chơi, biết tính kiên nhẫn, khéo léo, sáng tạo khi vận dụng các nguyên vật liệu khác nhau để làm đồ chơi. Biết cách phối hợp hiệu quả giữa đồ chơi với trò chơi (kể cả đồ dùng dạy học, đồ chơi công nghiệp và đồ chơi tự làm). Biết sắp xếp bảo quản đồ chơi làm tăng giá trị sử dụng cũng như đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ khi chơi.

##### **b. Xây dựng môi trường hoạt động cho trẻ mầm non/ To build the operating environment for preschool children**

**3tc (15,52,8)**

*Điều kiện tiên quyết :* Mỹ thuật 1, Mỹ thuật 2.

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về học phần như: Nắm vững các nguyên tắc, yêu cầu về thiết kế môi trường hoạt động cho trẻ mầm non, các hình thức và phương pháp làm đồ dùng dạy học theo các tính chất biểu tượng, các kỹ năng về vẽ, nặn, cắt, xé dán, nắm được kỹ năng làm một số đồ chơi từ nguyên liệu giấy, các kỹ thuật đan giấy, làm hoa trang trí lớp học.

Năng lực đạt được: Sinh viên thiết kế được lớp học đảm bảo về cơ sở vật chất có tính thẩm mỹ cao, có công năng sử dụng khoa học, gọn gàng, có không gian phù hợp nội dung, biết trang trí lớp học rõ ràng theo mỗi chủ đề, làm được đồ dùng dạy học bằng các chất liệu, vẽ, nặn, xé cắt dán, biết làm một số đồ chơi đơn giản bằng giấy, biết sắp xếp bảo quản cơ sở vật chất, môi trường trong lớp học .

*\* Chọn 1 trong 2 học phần sau:*

##### **a. Tổ chức các hoạt động PT ngôn ngữ cho trẻ / Organizing activities developing language for pre-school children**

**3 tc (27,32,4)**

*Điều kiện tiên quyết:* Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ .

Nội dung học phần: Kiến thức về tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ ở trường mầm non, giúp sinh viên cập nhật chuyên đề đổi mới phương pháp giáo dục ngôn ngữ ở trường mầm non, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ; gồm các nội dung: Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ Những vấn đề lý luận; Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ: TCHĐ phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ; TCHĐ luyện phát âm đúng; TCHĐ phát triển từ; TCHĐ dạy trẻ nói đúng ngữ pháp; TCHĐ phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ; TCHĐ cho trẻ làm quen chữ cái.

Năng lực đạt được: Sinh viên tổ chức được các hoạt động phát triển ngôn ngữ: tổ chức hoạt động luyện phát âm đúng, tổ chức hoạt động phát triển từ; tổ chức hoạt động dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, diễn đạt mạch lạc; tổ chức hoạt động làm quen với chữ cái cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi.

**b. Hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non/ Forming the pre –reading and pre- writing skill for pre-school children 3 tc (27, 32,4)**

*Điều kiện tiên quyết:* Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ

Nội dung học phần: Một số về vấn đề lý luận về việc hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi : vấn đề chuẩn bị cho trẻ vào trường phổ thông, ý nghĩa của việc hình thành kỹ năng tiền học đọc học viết cho trẻ , một số đặc điểm tâm lí ảnh hưởng đến kỹ năng tiền đọc, viết của trẻ ; Phương pháp hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ 5-6 tuổi ; Môi trường chữ viết trong trường mầm non ; Cách xây dựng môi trường chữ viết trong trường mầm non ; Tổ chức hoạt động làm quen với chữ cái.

Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được môi trường chữ viết trong trường mầm non ; năng lực khai thác các hoạt động trong trường mầm non giúp trẻ hình thành kỹ năng tiền đọc, viết ; năng lực tổ chức hoạt động dạy trẻ làm quen với chữ cái.

**10. Dự kiến đơn vị giảng dạy**

TT	Tên học phần	BỘ MÔN
1	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN1	Nguyên lý
2	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN2	Nguyên lý
3	Tư tưởng HCM	Tư tưởng HCM
4	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Đường lối
5	Pháp luật đại cương	Luật
6a	Văn học dân gian	GD ngôn ngữ
6b	Đại cương về văn học Việt Nam	GD ngôn ngữ
7	Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành	Tin học ứng dụng
8	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ không chuyên
9	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ không chuyên
10	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ không chuyên
11	Quản lý HCNN& quản lý GD	Giáo dục học
12	PPNCKHGD	Giáo dục học
13	Tin học	Tin học ứng dụng
14	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học
15	Giáo dục học đại cương	Giáo dục học
16	Mỹ thuật 1	Mĩ thuật
17	Âm nhạc (kiến thức cơ bản)	Âm nhạc
	Giáo dục thể chất	GD thể chất
	Giáo dục quốc phòng	Trung tâm GD Quốc phòng

18	Văn học trẻ em	GD ngôn ngữ
19	Toán cơ sở	GD trí tuệ
20	Tâm lý học trẻ em 1	Tâm lí học
21	Tâm lý học trẻ em 2	Tâm lí học
22	Giáo dục học mầm non	Giáo dục học
23	Sinh lý trẻ em	GDDD và thể chất
24	Dinh dưỡng trẻ em	GDDD và thể chất
25	Vệ sinh trẻ em	GDDD và thể chất
26	Bệnh trẻ em	GDDD và thể chất
27a	Sức khỏe sinh sản	GDDD và thể chất
27b	Vệ sinh an toàn thực phẩm	GDDD và thể chất
28a	Nghề giáo viên MN & Đánh giá trong GDMN	GD trí tuệ
28b	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	GD trí tuệ
29a	Tổ chức các HĐ cho trẻ làm quen các biểu tượng toán học	GD trí tuệ
29b	Các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non	GD trí tuệ
30a	Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	GD ngôn ngữ
30b	Đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	GD ngôn ngữ
31a	Mỹ thuật ứng dụng	Mĩ thuật
31b	Mỹ thuật 2 (kiến thức nâng cao)	Mĩ thuật
32a	Âm nhạc (kiến thức nâng cao)	Âm nhạc
32b	Đàn Organ- Chỉ huy dàn dựng	Âm nhạc
33a	Tổ chức thực hành vệ sinh dinh dưỡng trẻ MN	GDDD và thể chất
33b	Giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	GDDD và thể chất
34	Giáo dục hòa nhập	GD trí tuệ
35	Lý luận và PP tổ chức hoạt động Tạo hình cho trẻ MN	
36	Lý luận và PP tổ chức hoạt động Âm nhạc cho trẻ MN	Âm nhạc
37	Lý luận và Phương pháp triển Ngôn ngữ cho trẻ MN	GD ngôn ngữ
38	Lý luận và PP cho trẻ làm quen tác phẩm Văn học	GD ngôn ngữ
39	Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng Toán học sơ đẳng cho trẻ em	GD trí tuệ
40	Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh	GD trí tuệ
41	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em	GDDD và thể chất
42	Ứng dụng CNTT trong GDMN	GD trí tuệ
43	Thực tế (Tỉnh ngoài)	Khoa Giáo dục mầm non
43	Kiến tập sư phạm	Khoa GD Mầm non
44	Thực tập tốt nghiệp	Khoa GD Mầm non
45	Khoá luận tốt nghiệp/ Học phân thay thế KLTN	Khoa GD Mầm non/ GD ngôn ngữ, Mỹ thuật
45	Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi	Mĩ thuật
45	Tổ chức các HĐ phát triển ngôn ngữ cho trẻ	GD ngôn ngữ

## 11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

### 11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị quan trọng

Hệ thống lớp học và các thiết bị, đồ dùng dạy học cơ bản, hiện đại đáp ứng cho nhu cầu dạy học.

Có 8 phòng chức năng phục vụ dạy học và rèn nghề: 2 phòng múa, 2 phòng đàn, 1 phòng thực hành dinh dưỡng, 1 phòng thể chất, 1 phòng mỹ thuật, 1 phòng rèn nghề (tập giảng); cùng với các thiết bị, dụng cụ như; Bảng từ 2 mặt, bộ đồ dùng dạy toán, dạy văn, môi trường xung quanh... Vòng, bóng, đích ném, công chui, ghế băng thể dục, bục lên xuống, xóp trải nền, túi cát...., gương, các loại đàn, headphone, tivi, đầu đĩa, loa, mic, tăng âm, giá vẽ, mô hình, hình mẫu, máy chiếu, kính hiển vi, đồ dùng sơ cứu, búp bê, khăn tắm, bông băng, đồ dùng cấp cứu, tủ đựng bát, giá phơi khăn, bàn chế biến thực phẩm sống, thực phẩm chín, đồ dùng nấu ăn: nồi, bếp, bát, đĩa, thìa, chậu rửa, ấm siêu tốc, máy vắt nước cam, máy xay nghiền các loại...

Hiện còn thiếu, xin nhà trường bổ sung:

Xây dựng hệ thống bếp một chiều phục vụ thực hành dinh dưỡng; Sửa hệ thống nước cấp thoát nước ở phòng thực hành dinh dưỡng – 103A6- CS2; Bổ sung thêm 50 bát, 50 thìa, 50 cốc, 50 đĩa các loại, xô, chậu, thớt; Bổ sung vòng, bóng, đích ném, ghế băng, công chui, bục lên xuống, cờ, các con giống, túi cát, gậy thể dục, băng dính; lọ hoa, khuôn bánh, dây lọc, bình đo thể tích, nhiệt kế, Kính hiển vi, nồi hấp; 1 bộ loa, headphone.

Ngoài ra, để có thể truy cập tìm kiếm thêm thông tin, tài liệu phục vụ cho quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học thông qua hệ thống mạng nội bộ, mạng Internet cần được trang bị và kết nối đến tận các khoa chuyên môn, phòng ban trong toàn trường.

### 11.2. Thư viện

Trung tâm Thông tin tư liệu - Thư viện Trường ĐHHĐ hiện cần có đủ đầu sách, báo, tạp chí chuyên ngành và các tài liệu khác có liên quan đủ để đáp ứng nhu cầu về tài liệu tham khảo cho giảng viên và sinh viên.

### 11.3. Giáo trình và tài liệu tham khảo cho các môn học chính

TT	Học phần	Tên tài liệu, giáo trình	Nhà xuất bản	Năm XB
1	Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin 1	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Bộ Giáo dục & ĐT, <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> 2. Bộ Giáo dục & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i> <b>Tài liệu tham khảo</b> 3. C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 20; tập 42 4. Lênin toàn tập, tập 23; tập 25; tập 26; tập 29; tập 32; tập 41 5. Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI</i>	NXB CTQG Hà Nội NXB CTQG Hà Nội NXB CTQG Hà Nội NXB Tiến bộ Matxcova NXB CTQG Hà Nội	2009 2007 2000 1980 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011.
2	Những NL cơ bản của CN Mác-	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Bộ Giáo dục & ĐT, <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>	NXB CTQG Hà Nội	2009

	Lênin 2	<p>2. Bộ GD&amp;ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dùng cho khối ngành không chuyên kinh tế - QTKD)</p> <p>3. Bộ GD&amp;ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>4. Bộ GD&amp;ĐT, <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i></p> <p>5. ĐH Quốc gia Hà Nội, <i>Một số chuyên đề về Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i></p> <p>6. Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X</i></p>	<p>NXB CTQG, Hà Nội</p> <p>NXB CTQG, Hà Nội</p> <p>NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà nội</p> <p>NXB Lý luận chính trị, Hà Nội</p> <p>NXB CTQG, Hà Nội</p>	<p>2008</p> <p>2006</p> <p>2008</p> <p>2008</p> <p>1986, 1991, 1996, 2001, 2006.</p>
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Bộ Giáo dục &amp; Đào tạo, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Hội đồng Trung ương biên soạn, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i></p> <p>3. “Tư tưởng Hồ Chí Minh” <i>Tài liệu phục vụ dạy và học</i></p> <p>4. “Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh”</p>	<p>NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội</p> <p>NXB CTQG, Hà Nội</p> <p>NXB ĐHKQT, Hà Nội</p> <p>NXB Lý luận chính trị, Hà Nội</p>	<p>2009</p> <p>2003</p> <p>2008</p> <p>2008.</p>
4	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. BGD&amp;ĐT, <i>Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN</i></p> <p>2. BGD&amp;ĐT, <i>Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. BGD&amp;ĐT, <i>Đường lối cách mạng của ĐCSVN</i></p> <p>4. Đảng Cộng Sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đảng toàn tập</i></p> <p>- Xem tr.Web <a href="http://www.cpv.org.vn">www.cpv.org.vn</a></p>	<p>NXB chính trị - Quốc gia</p> <p>NXB chính trị - Quốc gia</p> <p>NXB ĐH Kinh tế quốc dân</p> <p>NXB Chính trị - Quốc gia</p>	<p>2009</p> <p>2006</p> <p>2008</p> <p>2001</p>
5	Pháp luật đại cương	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Lê Minh Tâm (chủ biên), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i></p> <p>2. Lê Minh Toàn (chủ biên), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Lê Thị Thanh – Hoàng Thị Giang (chủ biên), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i></p>	<p>NXB CAND</p> <p>NXB Chính trị Quốc gia</p> <p>NXB Tài Chính</p>	<p>2008</p> <p>2009</p> <p>2009</p>
6a	Văn học dân gian	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn, <i>Văn học dân gian Việt nam</i></p> <p>2. Hoàng Tiến Tựu, <i>Văn học dân gian Việt Nam, tập 2</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. TS. Phạm Thu Yên (chủ biên), <i>Giáo trình Văn học dân gian</i></p> <p>4. Đỗ Bình Trị, <i>Những đặc điểm thi pháp các thể loại Văn học dân gian</i></p> <p>5. Phạm Thị Hằng, <i>Ca dao cười Việt Nam</i></p>	<p>NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>NXB ĐHSP</p> <p>NXB Giáo dục, Hà Nội</p> <p>NXB Khoa học Xã</p>	<p>1997</p> <p>1990</p> <p>2006</p> <p>1999</p> <p>2007</p>

			hội, Hà Nội	
6b	Đại cương về VHVN	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Nguyễn Phạm Hùng, <i>Văn học Việt Nam</i> . <b>Tài liệu tham khảo</b> 2. Nguyễn Văn Long, <i>Đại cương văn học</i> . 3. Nguyễn Phong Nam, <i>Đại cương văn học Việt Nam</i> .	NXB ĐHQG HN NXB ĐHQG HN NXB LĐ	2001 2001 2009
7	Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Lê Thị Bắc Lý, <i>Tiếng Việt và tiếng việt thực hành</i> 2. Nguyễn Xuân Khoa, <i>Tiếng Việt</i> (tập 1,2), 3. Lê A- Bùi Minh Toán – Đỗ Việt Hùng, <i>Tiếng Việt thực hành</i> , <b>Tài liệu tham khảo</b> 4. Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp Tiếng Việt</i> (2 tập), 5. Nguyễn Thiện Giáp, <i>Từ vựng tiếng Việt</i> 6. Bùi Minh Toán Nguyễn Quang Ninh, <i>Tiếng Việt thực hành</i>	NXB ĐHSP HN NXBGD, Hà Nội NXB Giáo dục ĐHQGHN NXBĐHSP Hà Nội	2014 1994 1996 1996 1999 2003
8	Tiếng Anh 1	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Anne Taylor, Casev Malarcher, <i>Starter TOEIC (third edition)</i> , 2. Lin Lougheed, <i>Longman Preparation Series for new TOEIC Test - Introductory Course</i> (fourth edition). 3. Therese Naber, Angela Blackwell, David McKeegan, <i>Know how</i> , <b>Tài liệu tham khảo</b> 4. Anne Taylor, Garrett Byrne, <i>Beginning TOEIC Test-taking skills: Very easy TOEIC (second edition)</i> , . 5. Anne Taylor. <i>Target TOEIC (second edition)</i> , 6. Paul Edmund, Anne Taylor, <i>Developing Skills for the TOEIC Test</i> ,	Nhà xuất bản trẻ Oxford University Press, Nhà xuất bản trẻ Nhà xuất bản trẻ Nhà xuất bản trẻ	2007 2004 2008 2008 2008
9	Tiếng Anh 2	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Angela Blackwell, Therese Naber, Gregory J.Manin , <i>English Know How 3</i> . 2. Lin Lougheed, <i>Longman Preparation Series for new TOEIC Test –Pre-intermediate Course</i> (fourth edition). <b>Tài liệu tham khảo</b> 3. Murphy, R.(2003). <i>Basic Grammar in Use</i> . Cambridge: Cambridge University Press 4. Anne Taylor (2009). <i>TOEIC Analyst (second edition)</i> . 5. Anne Taylor (2010). <i>Target TOEIC (second edition)</i>	Oxford University Press.Longman Ltd Nhà xuất bản Trẻ Nhà xuất bản Trẻ Nhà xuất bản Trẻ	2004 2003 2003 2009 2010
10	Tiếng Anh 3	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Angela Blackwell, Therese Naber, Gregory J.Manin, <i>English KnowHow 3 (Units 7-12)</i> 2. Anne Taylor, <i>Intensive TOEIC Reading</i> . 3. .Anne Taylor, <i>Intensive TOEIC Reading</i> . <b>Tài liệu tham khảo</b> 4. Lin Lougheed, <i>Longman Preparation Series for new TOEIC Test – Intermediate</i>	Oxford University Press Nhà xuất bản trẻ Nhà xuất bản trẻ	2004 2009 2009 2008

		<p>Course (fourth edition), 2008</p> <p>5. Keil J.Anderson, <i>Active Skills for Reading/ Book 2</i> (second edition), 1996</p> <p>6. Dorothy E.Zenmark &amp; Lisa A. Rumisek, <i>From paragraph to essay</i>.</p>	<p>Nhà xuất bản Đại học Quốc gia</p> <p>Nhà xuất bản Đại học Quốc gia</p> <p>Nhà xuất bản Đại học Quốc gia</p>	<p>1996</p> <p>1996</p>
11	Quản lý HCNN & QLGD MN	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Phạm Viết Vượng. (Chủ biên), <i>Quản lý hành chính nhà nước và quản lý Giáo dục &amp; đào tạo</i>,</p> <p>2. Luật Cán bộ, công chức, Số 22/2008/QH12 ngày 13/ 11/ 2008.</p> <p>3. Luật Giáo dục 2010</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>4. Điều lệ trường THCS &amp; THPT của Bộ GD&amp;ĐT.</p> <p>5. Điều lệ trường Mầm non năm của Bộ GD&amp;ĐT .</p> <p>6. Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020. Ban hành kèm theo quyết định 711/TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012</p>	<p>NXB Đại học sư phạm</p> <p>NXB Chính trị Quốc gia - Hà nội</p>	<p>2006</p> <p>2011 2008</p>
12	PPNCKH Giáo dục	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Phạm Viết Vượng, <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục</i> (Chương trình giáo trình đại học),</p> <p>2. Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i></p> <p>3. Phó Đức Hoà, <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>4. Phạm Viết Vượng, <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục</i> (Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ Cao đẳng sư phạm)</p> <p>5. Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non</i></p>	<p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội</p> <p>NXB ĐHSP</p> <p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB ĐHSP</p>	<p>1997</p> <p>1997</p> <p>2007</p> <p>2001</p> <p>2006</p>
13	Tin học	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>[1]. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i></p> <p>[2]. Hàn Viết Thuận, <i>Giáo trình Tin học đại cương</i></p> <p>[3]. Dương Minh Quý, 2013, <i>Microsoft Office 2007</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[4]. Microsoft, 2012, <i>Step by Step Microsoft Office</i></p>	<p>NXB Thông tin và Truyền thông.</p> <p>NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.</p> <p>NXB Hồng Đức.</p> <p>NXB Microsoft Press.</p>	<p>2015, 2012</p> <p>2013</p> <p>2007</p>
14	Tâm lý học đại cương	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), <i>Tâm lý học đại cương</i>,</p> <p>2. Nguyễn Xuân Thúc (chủ biên), <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Bùi Văn Huệ, <i>Giáo trình Tâm lý học</i></p> <p>4. Trần Trọng Thủy, <i>Tâm lý học</i></p> <p>5. Nguyễn Quang Uẩn, <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i></p>	<p>NXB Giáo dục,</p> <p>NXB ĐHSP</p> <p>NXB Đại học Quốc gia HN</p> <p>NXB Giáo dục</p>	<p>2007</p> <p>2006</p> <p>2000</p> <p>1998 1997</p>

			NXB ĐHSP	
15	Giáo dục học đại cương	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), <i>Giáo trình Giáo dục học - Tập 1,2</i> 2. Nguyễn Sinh Huy- Nguyễn Văn Lê, <i>Giáo dục học đại cương I,II</i> <b>Tài liệu tham khảo</b> 3. Phạm Viết Vượng, <i>Giáo dục học</i> , 4. Phạm Viết vượng, <i>Bài tập Giáo dục học</i> 5. Nguyễn Ngọc Bảo - Nguyễn Đình Chính, <i>Thực hành giáo dục</i>	NXB ĐHSP NXBGD NXBĐHQGHN NXBĐHQGHN NXBGD	2006 1997 2008 2008 1998
16	Mỹ thuật 1 (KT cơ bản)	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Ngô Bá Công, <i>Giáo trình Mỹ thuật cơ bản</i> , 2. Tạ Phương Thảo, <i>Giáo trình trang trí</i> , <b>Tài liệu tham khảo</b> 3. Đàm Luyện, <i>Giáo trình bố cục</i> , 4. Triệu Khắc Lễ, <i>Giáo trình hình hoạ</i> ,	NXB ĐHSP Hà Nội NXBĐHSP Hà Nội NXBĐHSP NXBĐHSP	2013 2007 2007 2007
17	Âm nhạc (kiến thức cơ bản)	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Phạm Tú Hương, <i>Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i> 2. Phạm Thị Hòa, Ngô Thị Nam, <i>Giáo dục âm nhạc</i> <b>Tài liệu tham khảo</b> 3. Nhiều tác giả, <i>Giáo trình xướng âm</i>	NXB GD NXB ĐHQG Nhạc viện Hà Nội	1995 1995 1983
	Giáo dục thể chất 1	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ, <i>Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học</i> . 2. Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i> 3. Nguyễn Đại Dương, <i>Giáo trình Điền Kinh</i> <b>Tài liệu tham khảo</b> 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Chạy cự ly ngắn</i> , 2. Trường Đại học TDTT TWI, <i>Giáo trình Điền kinh</i> . 3. Ủy ban TDTT, <i>Luật Điền Kinh</i> , Nxb TDTT	Nxb TDTT, Hà Nội Nxb TDTT, Hà Nội. Nxb TDTT Nxb Giáo dục. Nxb TDTT Nxb TDTT	2000 2009 2006 1998 2000 2003
	Giáo dục thể chất 2	<b>Chọn 1 trong 5 học phần</b>		
	Bóng chuyền	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i> . 2. Đinh Văn Lãm, Phạm Thế Vượng, Đàm Chính Thống, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i> 2. Ủy ban TDTT, <i>Luật bóng chuyền</i> <b>Tài liệu tham khảo</b> 1. Nguyễn Quang, <i>Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền</i> 2. Ủy ban TDTT, <i>Bóng chuyền bóng rổ</i>	Nxb ĐHSP, Hà Nội. Nxb TDTT, Hà Nội. Nxb TDTT, Hà Nội. Nxb TDTT, Hà Nội. Nxb TDTT, Hà Nội. Nxb TDTT Hà Nội.	2007 2006 2003 2001 1998
	Aerobic Dansports	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i> 2. Liên đoàn Thể dục quốc tế, <i>Thể dục Aerobic chu kỳ 2013-2016</i> . <b>Tài liệu tham khảo</b> 3. Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i>	Nxb TDTT Nxb TDTT	<b>2014</b> <b>2013</b> <b>2009</b>
	Bóng đá	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1.PGS.TS.Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i>	Nxb Thể dục thể thao,	<b>2007</b>

		<p>2. Ủy ban TDTT, <i>Luật Bóng đá 11 người, 7 người, 5 người.</i></p> <p>3. TS. Phạm Quang, <i>Giáo trình Bóng đá</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. TS. Phạm Quang, Nguyễn Thiết Tinh và cộng sự, <i>Huấn luyện Bóng đá trình độ A; B; C</i></p> <p>2. Đĩa VCD) MILO, <i>Một số bài tập Bóng đá</i> (Thư viện ĐH Hồng Đức).</p>	Hà Nội	
			Nxb ĐHSP, Hà Nội	<b>2004</b>
			Nxb TDTT, Hà Nội.	<b>2000</b>
				<b>2004</b>
	Bóng rổ	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo, <i>Giáo trình bóng rổ</i></p> <p>2. Nguyễn Tùng, <i>Giáo trình bóng rổ dành cho sinh viên Cao đẳng TDTT.</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Ủy ban thể dục thể thao (2015), <i>Luật bóng rổ.</i></p>	NXB TDTT, Hà Nội.	<b>2002</b>
	Võ Vovinam	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự (2008) “<i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>” tập 1.</p> <p>2. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự, “<i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>” tập 2</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Nguyễn Chánh Tứ, <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i></p> <p>2. Võ sư Trương Quang An, “<i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt Võ đạo</i> (song ngữ),</p>	NXB TDTT	<b>2008</b>
			NXB TDTT.	<b>2011</b>
			NXB KIEV	<b>2014</b>
18	Văn học trẻ em	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Lã Thị Bắc Lý, <i>Giáo trình văn học trẻ em</i></p> <p>2. Trần Đức Ngôn (chủ biên), Dương Thu Hương, <i>Giáo trình văn học trẻ em</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Lã Thị Bắc Lý, <i>Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non</i></p> <p>4. Cao Đức Tiên, <i>Văn học thiếu nhi</i></p> <p>5. Nguyễn Thu Thủy, <i>Giáo dục trẻ mẫu giáo qua truyện và thơ</i></p>	NXB ĐHSP, Hà Nội	2010
			NXB ĐHSP, Hà Nội	1994
			NXB ĐH SP, Hà Nội	2008
			NXB Giáo dục	1997
			NXB Giáo dục	1996
19	Toán cơ sở	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Trần Diên Hiền, Nguyễn Văn Ngọc, <i>Giáo trình Toán cao cấp 1</i></p> <p>2. Phan Hữu Chân, Nguyễn Tiến Tài, <i>Tập hợp và logic, số học</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Nguyễn Văn Khuê, Đậu Thế Cấp, Bùi Đắc Tắc, <i>Đại số tuyến tính</i></p> <p>4. Đặng Hùng Thắng, <i>Thống kê và ứng dụng,</i></p> <p>5. Trần Diên Hiền, <i>Các bài toán về suy luận lôgic</i></p>	NXB Đại học sư phạm	2010
			NXB Giáo dục	2005
			NXB khoa học và kỹ thuật	1998
			NXB Giáo dục	2009
			NXB Giáo dục	2000
20	Tâm lý học trẻ em 1	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Thị Như Mai, <i>Sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non,</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Ngô Công Hoàn, Nguyễn Mai Hà, <i>Tâm</i></p>	NXB Giáo Dục	2008
			BGD & ĐT, TTNC -	1993

		lý học, 3. Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Thị Như Mai - Đinh Kim Thoa, <i>Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non</i> , 4. Nguyễn Ánh Tuyết, <i>Bài tập thực hành tâm lý học và giáo dục học</i> ,	ĐTBĐ Giáo viên, Hà Nội NXB Đại học Quốc gia NXB Giáo Dục	2006 1992
21	Tâm lý học trẻ em 2	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Thị Như Mai, <i>Sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non</i> 2. Ngô Công Hoàn - Nguyễn Mai Hà, <i>Tâm lý học</i> 3. Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Thị Như Mai - Đinh Kim Thoa, <i>Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non</i> <b>Tài liệu tham khảo</b> 4. Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên), <i>Chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào trường phổ thông</i> 5. Nguyễn Ánh Tuyết, <i>Bài tập thực hành tâm lý học và giáo dục học</i>	NXB Giáo Dục BGD & ĐT, TTNC - ĐTBĐ Giáo viên, Hà Nội NXB Đại học Quốc gia NXBGD NXB Giáo Dục	2008 1993 2006 1998 1992
22	Giáo dục học MN	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Nguyễn Thị Hoà, <i>Giáo dục học mầm non</i> <b>Tài liệu tham khảo</b> 2. Đào Thanh Âm (chủ biên), <i>Giáo dục học mầm non, Tập I,II,III</i> 3. Phạm Thị Châu - Nguyễn Thị Oanh - Trần Thị Sinh, <i>Giáo dục học mầm non</i> . 4. Phạm Thị Mai Chi - Lê Thu Hương - Trần Thị Thanh, <i>Đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mẫu giáo theo hướng tích hợp</i> .	NXB ĐHSP NXB ĐHSP NXB ĐHQG Hà Nội NXB Giáo dục	2011 2011 2001 2006
23	Sinh lý trẻ em	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Lê Thanh Vân - <i>Giáo trình sinh lý học trẻ em</i> . 2. Phan Thị Ngọc Yến, Trần Minh Kỳ, Nguyễn Thị Dung- <i>Đặc điểm giải phẫu sinh lý trẻ em</i> . <b>Tài liệu tham khảo</b> 3. Tạ Thuý Lan, Trần Thị Loan - <i>Sinh lý học trẻ em</i> . 4. Tạ Thuý Lan, Trần Thị Loan - <i>Giáo trình sinh lý học trẻ em</i> . 5. Giaoducmamnon.edu.com	NXB Đại học su phạm NXB ĐHQG Hà Nội Trường ĐHSP Hà Nội I NXB Đại học su phạm	2006 2006 1995 2007
24	Dinh dưỡng trẻ em	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Nguyễn Kim Thành - <i>Giáo trình dinh dưỡng trẻ em</i> . 2. Lê Thị Mai Hoa - <i>Giáo trình dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ và mẫu giáo. Tài liệu tham khảo</i> 3. Hà Huy Khôi - <i>Từ Giấy - Dinh dưỡng hợp lý và sức khỏe</i> .	NXB Đại học Su phạm NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. NXB Y học - Hà Nội	2015 2003 1998
25	Vệ sinh trẻ em	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Hoàng Thị Phương - <i>Giáo trình vệ sinh trẻ em</i> . <b>Tài liệu tham khảo</b> 2. Lê Thị Mai Hoa ; Trần Văn Dần- <i>Giáo</i>	NXB Đại học Su phạm	2008 2008

		<p>trình vệ sinh dinh dưỡng</p> <p>3. Trần Trọng Thủy, Trần Quy - <i>Giải phẫu sinh lý vệ sinh phòng bệnh trẻ em.</i></p> <p>4. Phạm Mai Chi, Lê Thị Ngọc ái - <i>Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ từ 0-6 tuổi.</i></p>	<p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB Giáo dục</p>	<p>1998</p> <p>1998</p>
26	Bệnh trẻ em	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Trung Hiếu, Nguyễn Đình Sơn - <i>Phòng ngừa và điều trị các bệnh thường gặp của trẻ em.</i></p> <p>2. . Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dần - <i>Giáo trình phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Lê Thanh Vân - <i>Giáo trình sinh lý học trẻ em.</i></p> <p>4. Trần Trọng Thủy, Trần Quy - <i>Giải phẫu sinh lý vệ sinh phòng bệnh trẻ em.</i></p> <p>5. Phạm Mai Chi, Lê Thị Ngọc ái - <i>Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ từ 0 - 6 tuổi.</i></p>	<p>NXB VHTT</p> <p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB Đại học sư phạm</p> <p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB Giáo dục</p>	<p>2008</p> <p>2008</p> <p>2006</p> <p>1998</p> <p>1998</p>
27a	Sức khỏe sinh sản	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Bộ y tế, tổng cục dân số - kế hoạch hóa gia đình - <i>Hỏi đáp về sức khỏe sinh sản vị thành niên/thanh niên.</i></p> <p>2. Sở Y tế Thanh Hóa, chi cục dân số - kế hoạch hóa gia đình - <i>Sổ tay tuyên truyền viên dân số kế hoạch hóa gia đình cơ sở.</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. UBDS, gia đình và trẻ em - <i>Truyền thông trong lĩnh vực dân số và chăm sóc SKSS.</i></p> <p>4. Bộ y tế - <i>Hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc SKSS.</i></p> <p>5. Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - <i>Sức khỏe sinh sản VTN /Những vấn đề cần quan tâm.</i></p>	<p>NXB Hà Nội</p> <p>NXB Thanh Hóa</p> <p>NXB Hà Nội</p> <p>NXB Hà Nội</p> <p>NXB GTVT</p>	<p>2010</p> <p>2012</p> <p>2003</p> <p>2004</p> <p>2005</p>
27b	Vệ sinh ATTP	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Hà Huy Khôi, Từ Giấy - <i>Dinh dưỡng hợp lý và sức khỏe.</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Bộ Y tế, viện dinh dưỡng - <i>Bảng thành phần dinh dưỡng thực phẩm Việt Nam.</i></p> <p>3. Nguyễn Kim Thành - <i>Giáo trình dinh dưỡng trẻ em.</i></p> <p>4. Bộ Y tế, viện dinh dưỡng - <i>Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người Việt Nam.</i></p>	<p>NXB Y học - Hà Nội</p> <p>NXB Y học - Hà Nội</p> <p>NXB Đại học Quốc gia Hà Nội</p> <p>NXB Y học - Hà Nội</p>	<p>1998</p> <p>2000</p> <p>2003</p> <p>2000.</p>
28a	Nghề giáo viên MN và đánh giá trong GDMN	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Hồ Lam Hồng, <i>Nghề giáo viên mầm non</i></p> <p>2. Đinh Thị Kim Thoa, <i>Đánh giá trong giáo dục mầm non</i></p> <p>3. Bộ giáo dục và đào tạo, <i>Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT –BGDDT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Điều lệ trường mầm non, <i>(Ban hành kèm theo văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT 13 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào</i></p>	<p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB Giáo dục</p>	<p>2009</p> <p>2009</p>

		<p>tạo)</p> <p>5. Một số văn bản hướng dẫn việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non, đánh giá giáo dục mầm non</p> <p>6. Các Video hướng dẫn việc tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non, nguồn Internet</p>		
28b	Giáo dục môi trường ở trường MN	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Bộ GD&amp;ĐT, Vụ Giáo dục mầm non, <i>Hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non</i></p> <p>2. Lê Xuân Hồng, Nguyễn Thanh Thủy, <i>Những hoạt động giáo dục trẻ bảo vệ môi trường</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Nguyễn Thị Thu Hiền, <i>Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non</i></p> <p>4. Bộ GD&amp;ĐT, <i>Tài liệu tập huấn về giáo dục bảo vệ môi trường cho giáo viên mầm non</i></p>	<p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB Giáo dục</p>	<p>2006</p> <p>2007</p> <p>2008</p> <p>2007</p>
29a	Tổ chức HĐ cho trẻ LQ các BT toán học	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Hoàng Thị Thu Hương, Vũ Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nga, <i>Các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non</i></p> <p>2. Nguyễn Thạc, Nguyễn Ngọc Châm, Trần lan Hương, <i>Tuyển tập các trò chơi phát triển cho trẻ mẫu giáo</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Đỗ Thị Minh Liên, <i>Lý luận và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non</i></p> <p>4. Vụ giáo dục mầm non, <i>Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non chu kỳ II</i></p> <p>5. Đào Như Trang, <i>Đổi mới nội dung và phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ 0 – 6 tuổi</i></p>	<p>NXB GD</p> <p>NXB Hà Nội</p> <p>NXB Đại học sư phạm</p> <p>NXB Hà Nội</p> <p>NXB giáo dục</p>	<p>2013</p> <p>2005</p> <p>2010</p> <p>2005</p> <p>1998</p>
29b	Các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>[1] Hoàng Thị Thu Hương, Vũ Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nga. <i>Các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non.</i></p> <p>[2] Đỗ Thị Minh Liên, <i>Sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo.</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[3] Đỗ Thị Minh Liên, <i>Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.</i></p> <p>[4] Nguyễn Ngọc Châm, Trần Lan Hương, Nguyễn Thị Thanh Thủy, <i>Tuyển tập các trò chơi phát triển cho trẻ mẫu giáo.</i></p>	<p>NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB Đại học Sư phạm</p> <p>NXB Hà Nội</p>	<p>2013</p> <p>2007</p> <p>2010</p> <p>2012</p>
30a	Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Nguyễn Thị Thu Hiền, <i>Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non</i></p> <p>2. Bộ giáo dục và đào tạo- vụ giáo dục mầm</p>	<p>NXB Giáo dục</p>	<p>2008</p> <p>2009</p>

		non, <i>Chương trình giáo dục mầm non</i> <b>Tài liệu tham khảo</b> 3. TS. Phạm Mai Chi, TS Lê Thu Hương, Th.S Trần Thị Thanh, <i>Đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mẫu giáo theo hướng tích hợp theo chủ đề</i> 4. Trần Thị Ngọc Trâm – Lê Thị Thu Hương – Lê Thị Ánh Tuyết, <i>Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.</i> 5. Viện khoa học giáo dục –Trung tâm nghiên cứu Giáo dục mầm non, <i>Đổi mới nội dung, phương pháp chăm sóc- giáo dục trẻ từ 0-6 tuổi</i>	NXB Giáo dục  NXBGD Việt Nam,  NXB Giáo dục	2005  2011  2004
30b	Đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Lê Thị Ánh Tuyết – Lê Thị Bắc Bắc Lý. <i>Giáo trình Phương pháp đọc, kể diễn cảm thơ – truyện cho trẻ em lứa tuổi mầm non.</i> 2. Hà Nguyễn Kim Giang. <i>Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.</i> <b>Tài liệu tham khảo</b> 3. Hà Nguyễn Kim Giang, <i>Phương pháp đọc diễn cảm</i> 4. Hà Nguyễn Kim Giang, <i>Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học.</i> 5. Nhiều tác giả, <i>Thơ, truyện cho bé</i>	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội  NXB Giáo dục  NXB Đại học Sư phạm Hà Nội NXB Giáo dục  NXB Giáo dục	2010  2007  2012 2009 2005
31a	Mỹ thuật ứng dụng	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Ngô Bá Công, <i>Giáo trình Mỹ thuật cơ bản</i> 2. Tạ Phương Thảo, <i>Giáo trình bố cục.</i> <b>Tài liệu tham khảo</b> 3. Đàm Hồng Quỳnh, Nguyễn Nghiệp, <i>Tự làm đồ chơi gấp hình,</i> 4. Nghệ thuật xếp giấy Nhật bản, 5. Tạ Phương Thảo, <i>Giáo trình trang trí</i>	NXB Đại học sư phạm NXBGD  NXBGD  NXB Đà Nẵng NXB ĐHSP Hà Nội	2013 1997 2003 2001 2007
31b	Mỹ thuật 2	<b>Tài liệu bắt buộc:</b> 1. Nguyễn Lăng Bình, <i>Giáo trình kĩ họa</i> 2. Đàm Luyện, <i>Giáo trình bố cục</i> <b>Tài liệu tham khảo:</b> 3. Đàm Luyện, <i>Giáo trình bố cục</i> 4. Triệu Khắc Lễ, <i>Giáo trình hình họa</i> 5. Tạ Phương Thảo, <i>Giáo trình trang trí</i>	NXB ĐHSP Hà Nội NXB ĐHSP Hà Nội  NXBĐHSP Hà Nội NXBĐHSP Hà Nội NXBSP	2007 2008 2007 2007 2007
32a	Âm nhạc (kiến thức nâng cao)	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Phạm Tú Hương, <i>Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i> 2. Phạm Thị Hòa, Ngô Thị Nam, <i>Giáo dục âm nhạc</i> <b>Tài liệu tham khảo</b> 3. Nhiều tác giả, <i>Giáo trình xướng âm</i>	NXB GD  NXB ĐHQG  Nhạc viện Hà Nội	1995 1995 1983
32b	Đàn Or gan- chỉ huy dàn dựng	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. <i>Lý thuyết và thực hành trên đàn Organ,</i> tập 1,2 2. <i>Phương pháp hát và chỉ huy dàn dựng hát tập thể</i> <b>Tài liệu tham khảo</b>	NXB âm nhạc  NXB GD	1999 2000

		3. Ngô Ngọc Thắng, <i>Organ thực hành</i> 4. Hoàng Văn Yên, <i>Trẻ MN ca hát</i>	NXB âm nhạc NXB âm nhạc	2006 2005
33a	Tổ chức thực hành vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ mầm non	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dần, <i>Giáo trình vệ sinh dinh dưỡng</i> <b>Tài liệu tham khảo</b> 2. Trần Trọng Thủy, Trần Quy, <i>Giải phẫu sinh lý vệ sinh phòng bệnh trẻ em</i> 3. Phạm Mai Chi, Lê Thị Ngọc Ái, <i>Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ từ 0-6 tuổi</i> 4. Hoàng Thị Phương, <i>Giáo trình vệ sinh trẻ em</i>	NXB Giáo dục NXB Giáo dục NXB Giáo dục. NXB Đại học Sư phạm	2008  1998 1998 2008
33b	Giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dần - <i>Giáo trình phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.</i> <b>Tài liệu tham khảo</b> 2. Trần Trọng Thủy, Trần Quy - <i>Giải phẫu sinh lý vệ sinh phòng bệnh trẻ em.</i> 3. Phạm Mai Chi, Lê Thị Ngọc Ái - <i>Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ từ 0 - 6 tuổi.</i> 4. Trung Hiếu, Nguyễn Đình Sơn - <i>Phòng ngừa và điều trị các bệnh thường gặp của trẻ em.</i>	NXB Giáo dục NXB Giáo dục NXB Giáo dục NXB Văn hóa Thông tin	2008  1998 1998 2008
34	Giáo dục hoà nhập	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. <i>Cán thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. Tập 1</i> (Tài liệu do Bộ GD&ĐT biên soạn và xuất bản với sự giúp đỡ của tổ chức CRS và USAID) 2. <i>Cán thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. Tập 2</i> (Tài liệu do Bộ GD&ĐT biên soạn và xuất bản với sự giúp đỡ của tổ chức CRS và USAID) <b>Tài liệu tham khảo</b> 3. Trần Thị Thiệp, Nguyễn Xuân Hải, Lê Thị Thúy Hằng, <i>Giáo trình giáo dục hòa nhập</i> 4. Nguyễn Xuân Hải, <i>Giáo dục học trẻ khuyết tật</i>	Hà Nội -  Hà Nội  NXB Giáo dục NXB Giáo dục	2005  2005  2008 2009
35	Lý luận và PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ mầm non	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Lê Thanh Thủy - <i>Tạo hình và phương pháp tổ chức HĐTH</i> <b>Tài liệu tham khảo</b> 2. Trần Thị Trọng - Phạm Thị Sửu, <i>Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non</i> 3. <i>Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non, Giáo trình xây dựng cho đào tạo giáo viên mầm non hệ trung học SP</i>	NXB ĐHSP  NXBGD NXBGD	2013  1994 1997
36	Lý luận và PP tổ chức HĐ Âm nhạc cho trẻ mầm non	<b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Phạm Thị Hòa, <i>Giáo dục âm nhạc</i> , Tập II – 2. Bài giảng: “ <i>PP tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non</i> ” – <b>Tài liệu tham khảo</b> 3. Ngô Thị Nam (chủ biên), <i>Nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc</i> , Tập II	NXB ĐHSP Hà Nội NXB ĐHQG Hà Nội Bộ GD&ĐT-TTNCĐT và BDGV	2005 2010 1993

		<p>4. Hoàng Văn Yên, Trẻ mầm non ca hát</p> <p>5. Quang Phác - Đào Ngọc Dung, <i>Dân ca Việt Nam</i></p> <p>6. Các website.  + <a href="http://www.giaoducmamnon.edu.com">http://www.giaoducmamnon.edu.com</a>  + <a href="http://www.baigiang.violet.vn">http://www.baigiang.violet.vn</a>  + <a href="http://www.mamnon.com">http://www.mamnon.com</a></p>	<p>Nhà xuất bản âm nhạc  NXB Hà Nội</p>	<p>2001  2001</p>
37	Lý luận và PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Nguyễn Xuân Khoa, <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo</i>,</p> <p>2. Đinh Hồng Thái, <i>Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</i>,</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Hoàng Thị Oanh - Phạm Thị Việt - Nguyễn Kim Đức, <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ dưới 6 tuổi</i>,</p> <p>4. Đinh Hồng Thái, <i>Phương pháp phát triển lời nói trẻ em</i>,</p> <p>5. Bùi Kim Tuyền- Hồ Lam Hồng- Đặng Thu Quỳnh, <i>Phương pháp phát triển lời nói cho trẻ</i>.</p>	<p>NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội  NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội</p> <p>NXB Đại học Quốc gia Hà Nội</p> <p>Nhà xuất bản Đại học Sư phạm  Nhà xuất bản Giáo dục</p>	<p>2004  2010  2010  2005  1996</p>
38	Lý luận và PP cho trẻ làm quen TP văn học	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Lê Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết , <i>Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học</i>,</p> <p>2. Nguyễn Thị Tuyết Nhung- Phạm Thị Việt, <i>Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</i>.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Hà Nguyễn Kim Giang, <i>Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</i>.</p> <p>4. Hà Nguyễn Kim Giang, <i>Các phương pháp cơ bản cho trẻ mẫu giáo tiếp xúc với tác phẩm văn học</i>,</p> <p>5. Nhiều tác giả, <i>Tuyển tập thơ ca, truyện kể, câu đố cho trẻ mầm non theo chủ đề</i>.</p>	<p>NXB GD, Hà Nội  NXB ĐHQG, Hà Nội</p> <p>Nhà xuất bản Giáo dục</p> <p>Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1.  NXB Giáo dục</p>	<p>2009  2001  2009  1994  2012</p>
39	Lý luận và PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Đỗ Thị Minh Liên, <i>Lý luận và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non</i></p> <p>2. Đinh Thị Nhung, <i>Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị ánh Tuyết, <i>Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non 3 – 6 tuổi</i></p> <p>4. Trần lan Hương, Trần Thị Nga, <i>Hướng dẫn trẻ mẫu giáo học toán</i></p>	<p>NXB Đại học sư phạm  NXB Đại học quốc gia Hà Nội  NXB Giáo dục  NXB Hà nội</p>	<p>2010  2004  2009  2004</p>
40	Lý luận và PP HD trẻ khám phá MTXQ	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân, <i>Giáo trình phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh</i></p> <p>2. Hoàng Thị Phương, <i>Giáo trình lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh</i></p>	<p>NXB Đại học sư phạm Hà Nội  NXB Đại học sư phạm Hà Nội</p>	<p>2006  2009</p>

		<p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Lê Thị Ninh, Trần Hồng Việt, Võ Thị Cúc, <i>Cơ sở phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh</i></p> <p>4. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết, <i>Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non</i></p> <p>5. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, <i>305 câu đố dành cho trẻ em</i></p>	<p>NXB ĐHSP Hà Nội</p> <p>NXB giáo dục</p> <p>NXB Giáo dục</p>	<p>1995</p> <p>2009</p> <p>2009</p>
41	Lý luận và PP giáo dục thể chất cho trẻ em	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Đặng Hồng Phương, <i>Giáo trình phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non</i></p> <p>2. Hoàng Thị Bưởi, <i>Phương pháp giáo dục thể chất trẻ em</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Đặng Đức Thao, Trần Tân Tiên, <i>Thể dục và phương pháp giáo dục thể chất</i></p> <p>4. Viện khoa học giáo dục, trung tâm nghiên cứu Giáo dục mầm non, <i>Hướng dẫn tổ chức thực các hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo chủ đề (các độ tuổi)</i></p> <p>5. Trần Tân Tiên, Bùi Kim Tuyên, <i>Bài soạn hướng dẫn trẻ mẫu giáo học thể dục</i></p>	<p>NXB Đại học</p> <p>NXB Đại học Quốc gia Hà Nội</p> <p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB Giáo dục</p> <p>BGD&amp;ĐT, Trung tâm nghiên cứu giáo viên</p>	<p>2008</p> <p>2001</p> <p>1998</p> <p>2007</p> <p>2000</p>
42	Ứng dụng CNTT trong GDMN	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Đỗ Duy Việt, <i>Hướng dẫn sử dụng Microsoft Powerpoint</i></p> <p>2. Bộ giáo dục và đào tạo, <i>Tài liệu tập huấn Ứng dụng CNTT trong dạy học tích cực</i></p> <p>3. Đỗ Mạnh Cường, <i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Đào Thái Lai (chủ biên), <i>Phương tiện kỹ thuật dạy học và Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học,</i></p> <p>4. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng một số phần mềm ứng dụng trong giáo dục mầm non trên Internet: Phần mềm thiết kế tư liệu dạy học; Phần mềm thiết kế bài giảng điện tử; Phần mềm giáo dục mầm non.</p>	<p>NXB thống kê</p> <p>Dự án Việt- Bỉ</p> <p>NXB Đại học Quốc gia TpHCM.</p> <p>NXB Giáo dục</p>	<p>2000</p> <p>2009</p> <p>2008</p> <p>2006</p>
43a	Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Đặng Hồng Nhật, <i>Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em,</i> Làm đồ chơi Quyển 2</p> <p>2. Lê Đình Bình, <i>Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em- Hoạt động tạo hình,</i> quyển 1</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Đàm Hồng Quỳnh - Nguyễn Nghiệp, <i>Tự làm đồ chơi gấp hình</i></p> <p>4. Trần Thị Trọng - Phạm Thị Sửu, <i>Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non</i></p>	<p>NXB ĐHQG Hà Nội</p> <p>NXB ĐH QG Hà Nội</p> <p>NXB Giáo dục NXBGD</p>	<p>2008</p> <p>2001</p> <p>2003</p> <p>1994</p>
43b	Xây dựng môi trường hoạt động cho trẻ mầm non	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Đặng Hồng Nhật, <i>Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em.</i></p> <p>2. Lê Thu Hương, <i>Hướng dẫn tổ chức thực</i></p>	<p>NXB Quốc gia</p> <p>NXB GD</p>	<p>2008</p> <p>2009</p>

		<p>hiện các hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo chủ đề (theo chương trình giáo dục mầm non mới).</p> <p>3. Nghệ thuật xếp giấy nhật bản.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Đàm Thị Xuyên, <i>Làm đồ chơi từ vật liệu thông thường</i></p> <p>2. Ngô Bá Công - <i>Giáo trình Mĩ thuật cơ bản</i>.</p> <p>3. Đào Quang Trung, <i>Giáo trình giáo dục Kỹ thuật</i></p>	<p>NXB Đà Nẵng</p> <p>NXB GD</p> <p>NXB GD</p> <p>NXB KHKT</p>	<p>2001</p> <p>2011</p> <p>2015</p> <p>2010</p>
44a	Tổ chức các hoạt động PT ngôn ngữ cho trẻ	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Lê Thị Ánh Tuyết - Hồ Lam Hồng, <i>Các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i></p> <p>2. Phạm Thị Mai Chi-Lê Thu Hương- Trần Thị Thanh, <i>Đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mẫu giáo theo hướng tích hợp chủ đề</i></p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Phan Thiều, Phùng Ngọc Kiêm, Nguyễn Xuân Khoa, <i>Tiếng Việt - Văn học và phương pháp giáo dục</i></p> <p>4. Lê Thị Ánh Tuyết - Đặng Thu Quỳnh, <i>Các hoạt động làm quen với chữ cái theo hướng tích hợp</i></p> <p>5. Trần Nguyễn Nguyên Hân, <i>Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non theo hướng “học với động cơ chơi”</i></p>	<p>NXB GD</p> <p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB GD</p> <p>Tạp chí Khoa học ĐHSPT TP Hồ Chí Minh, Số 28</p>	<p>2008</p> <p>2006</p> <p>2000</p> <p>2004</p> <p>2011</p>
44b	Hình thành kỹ năng tiên đọc viết cho trẻ mầm non	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Lê Thu Hương, Nguyễn Sinh Thảo, Nguyễn Thị Tuất. <i>Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ theo hướng tích hợp</i>.</p> <p>2. Vụ Giáo dục Mầm non – Bộ Giáo dục &amp; Đào tạo. <i>Tài liệu bồi dưỡng hoạt động làm quen với chữ cái</i>.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Phạm Thị Mai Chi-Lê Thu Hương- Trần Thị Thanh, <i>Đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mẫu giáo theo hướng tích hợp chủ đề</i>.</p> <p>2. Trần Trọng hù. <i>Ý nghĩa của việc cho trẻ tập đọc</i>.</p> <p>3. Lê Thị Ánh Tuyết. <i>Cho trẻ mầm non làm quen với chữ viết- quan niệm và thực tiễn</i>.</p>	<p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB Giáo dục</p> <p>NXB Giáo dục</p> <p>Tạp chí Giáo dục mầm non.</p> <p>Tạp chí Giáo dục mầm non.</p>	<p>2007</p> <p>2002</p> <p>2006</p> <p>1997</p> <p>2003</p>

## 12. Tài liệu tham khảo xây dựng CTĐT

1. <http://tuyensinhdaihoc.edu.vn/d4/news/Khung-Chuong-trinh-dao-tao-nganh-Giao-duc-mam-non-8-109.aspx>
2. <http://dethithuvn.com/chuong-trinh-dao-tao-nganh-giao-duc-mam-non-bac-dai-hoc.html>
3. <http://hnue.edu.vn/Daotao/DaotaoDaihoc/tabid/326/specialized/17/Default>.

4. <http://www.hvu.edu.vn/thong-tin/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao.hvu>

5. <http://www.hcmup.edu.vn/?site=35>

### **13. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

**13.1.** Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;

- Đào tạo liên thông, văn bằng 2: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn học phần, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

**13.2.** Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Căn cứ thực tế hiện có và yêu cầu điều kiện về phòng thực hành, thí nghiệm, tài liệu dạy học phục vụ đào tạo, Trưởng phòng QT,VT-TB, Giám đốc TT TTTV xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung trình Hiệu trưởng quyết định.

**13.3.** Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

**13.4.** Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

**13.5.** Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chương trình chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định phê duyệt của Hiệu trưởng./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS,TS Nguyễn Mạnh An**